

TỔNG LÃNH SỰ QUẢN VIỆT NAM TẠI SYDNEY  
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ÚC

---

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU**

*“Thị trường trái vải của Úc và các giải pháp xúc tiến  
xuất khẩu trái vải của Việt Nam vào thị trường này”*

Sydney, tháng 4 năm 2015

# MỤC LỤC

|                                                                                      |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....                                                                 | 3  |
| CHƯƠNG I.....                                                                        | 6  |
| KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI VẢI TRÊN THẾ GIỚI ..... | 6  |
| I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRÁI VẢI TRÊN THẾ GIỚI.....                          | 6  |
| II. THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI VẢI THẾ GIỚI.....                                 | 8  |
| CHƯƠNG II .....                                                                      | 15 |
| TỔNG QUAN VÀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU TRÁI VẢI VIỆT NAM.....                              | 15 |
| I. TÌNH HÌNH TRỒNG VẢI .....                                                         | 15 |
| II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRÁI VẢI .....                                                | 17 |
| III. PHƯƠNG PHÁP CHIẾU XẠ ĐỂ XUẤT KHẨU .....                                         | 20 |
| IV. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC XUẤT KHẨU VẢI .....                                    | 21 |
| CHƯƠNG III.....                                                                      | 22 |
| TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI VẢI TẠI ÚC .....                           | 22 |
| I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT .....                                                          | 22 |
| II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ.....                                                          | 23 |
| III. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN, THỊ HIỆU NGƯỜI TIÊU DÙNG.....                              | 25 |
| IV. GIÁ CẢ.....                                                                      | 26 |
| V. HỆ THỐNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIẾP THỊ .....                                  | 26 |
| VI. CÁC QUI ĐỊNH THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG .....                                          | 28 |
| CHƯƠNG IV .....                                                                      | 41 |
| CÁC GIẢI PHÁP XÚC TIẾN XUẤT KHẨU TRÁI VẢI CỦA VIỆT NAM VÀO ÚC .....                  | 41 |
| I. ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA ÚC .....              | 41 |
| II. TIẾP CẬN PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN MỚI ĐỂ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU .....          | 42 |
| III. THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VỀ TRÁI VẢI CỦA VIỆT NAM.....                            | 44 |
| IV. VẬN ĐỘNG “NGƯỜI VIỆT NAM ƯU TIÊN DÙNG HÀNG VIỆT NAM” .....                       | 44 |
| PHỤ LỤC .....                                                                        | 45 |
| PHỤ LỤC 1: QUI ĐỊNH XỬ LÝ LẠNH TRƯỚC KHI XUẤT KHẨU .....                             | 46 |
| PHỤ LỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ LẠNH TRÊN ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN .....                        | 52 |
| PHỤ LỤC 3: KIỂM SOÁT VƯỜN TRỒNG ĐỐI VỚI RUỒI ĐỤC QUẢ .....                           | 56 |
| PHỤ LỤC 4: QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ NHIỆT HƠI TRƯỚC KHI XUẤT KHẨU.....                      | 57 |
| PHỤ LỤC 5: QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ CHIẾU XẠ TRƯỚC XUẤT KHẨU .....                          | 60 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO .....                                                             | 62 |

## LỜI GIỚI THIỆU

Theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2014, sản lượng vải của cả nước đạt 210.000 tấn. Trong đó, với tổng diện tích trồng vải khoảng 43.000 ha, sản lượng tại hai tỉnh Bắc Giang và Hải Dương đạt khoảng 190.000 tấn quả tươi (tại Bắc Giang diện tích khoảng 32.000 ha, sản lượng khoảng 140.000 tấn, tại Hải Dương diện tích khoảng 11.000 ha, sản lượng khoảng 50.000 tấn). Trong đó, diện tích vải áp dụng theo tiêu chuẩn VietGap khoảng 8.500 ha tại Tỉnh Bắc Giang và 800 ha tại Tỉnh Hải Dương.

Cũng như nhiều mặt hàng nông sản khác của Việt Nam, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu vải thiều truyền thống. Việc phụ thuộc vào một thị trường xuất khẩu sẽ không thể tránh khỏi những rủi ro nhất định cho nền kinh tế nói chung và cho nông dân nói riêng. Do vậy, việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xúc tiến xuất khẩu trái vải của Việt Nam sang nước thứ ba nhằm bớt phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc là hết sức cần thiết.

Úc là một trong những nước có các qui định về kiểm dịch ngặt nghèo nhất trên thế giới. Tại thời điểm hiện tại, Úc chưa chấp nhận cho nhập khẩu bất cứ một loại trái cây tươi nào của Việt Nam vào Úc, mà mới chuẩn bị cho thí điểm nhập khẩu trái vải. Việc đưa trái vải thành công vào thị trường Úc sẽ đồng thời mở ra cơ hội mới cho một số loại trái cây khác như thanh long, nhãn, xoài...

Trong nhiều năm nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương làm việc với Bộ Nông, Lâm và Thủy sản Úc để tiến hành dỡ bỏ hàng rào kỹ thuật đối với trái vải tươi của Việt Nam sang thị trường này. Theo quy định của phía Úc, trước khi cho phép nhập khẩu mặt hàng này, Úc phải tiến hành kiểm tra, khảo sát vùng trồng vải, cơ sở đóng gói, cũng như làm việc với các đơn vị quản lý tại địa phương về các nội dung liên quan đến quản lý dịch hại tại vườn trồng và tiềm năng xuất khẩu sản phẩm.

Từ ngày 18-20/6/2012, Cục Bảo vệ Thực vật đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bắc Giang, Chi cục Bảo vệ Thực vật tỉnh Bắc Giang và Ủy ban Nhân dân huyện Lục Ngạn tiếp và làm việc với đoàn chuyên gia Úc. Kết thúc đợt kiểm tra, đoàn chuyên gia Úc đã đánh giá cao hiệu quả của các biện pháp quản lý dịch hại tại các trang trại trồng vải của Việt Nam, đặc biệt đối với những vườn trồng áp dụng mô hình VietGAP. Đến nay, Úc đã hoàn tất các thủ tục và trái vải Việt Nam có thể nhập khẩu vào Úc từ ngày 18/4/2015.

Để góp phần vào việc đưa trái vải nhanh chóng thâm nhập vào thị trường Úc ngay sau khi được Chính phủ Úc cấp phép, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Úc triển khai đề án nghiên cứu ***“Thị trường trái vải của Úc và các giải pháp xúc tiến xuất khẩu trái vải Việt Nam vào thị trường này”*** nhằm nghiên cứu tình hình sản xuất và tiêu thụ trái vải của thị trường Úc; các qui định về kiểm dịch đối với trái vải; kênh phân phối và thị hiếu tiêu dùng để từ đó đưa ra những đề xuất thiết thực góp phần đẩy mạnh xuất khẩu trái vải sang thị trường Úc, góp phần mở đường cho nông sản Việt Nam sang Úc, gia tăng thu nhập cho nông dân, và góp phần ổn định kinh tế đất nước.

Báo cáo nghiên cứu sẽ có kết cấu và bố cục như sau:

### **Chương I: Khát quát tình hình sản xuất, thị trường xuất nhập khẩu trái vải sản trên thế giới**

- I. Khái quát tình hình sản xuất trái vải trên thế giới
- II. Thị trường xuất nhập khẩu trái vải thế giới

### **Chương II: Tổng quan và tình hình xuất khẩu trái vải Việt Nam**

- I. Tình hình trồng vải
- II. Tình hình tiêu thụ trái vải
- III. Phương pháp chiếu xạ để xuất khẩu
- IV. Những khó khăn trong việc xuất khẩu trái vải

### **Chương III: Tình hình sản xuất và xuất nhập khẩu trái vải tại Úc**

- I. Tình hình sản xuất
- II. Tình hình tiêu thụ
- III. Xu hướng phát triển, thị hiếu người tiêu dùng
- IV. Giá cả
- V. Hệ thống quy trình sản xuất và tiếp thị
- VI. Các qui định thâm nhập thị trường

## **Chương IV. Các giải pháp xúc tiến xuất khẩu trái vải của Việt Nam vào Úc**

- I.     Đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của Úc
- II.    Tiếp cận phương pháp bảo quản mới để mở rộng thị trường xuất khẩu
- III.   Thông tin tuyên truyền về trái vải của Việt Nam
- IV.    Tổ chức hội thảo với các doanh nghiệp Việt kiều để vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

### **Phụ lục**

### **Tài liệu tham khảo**

# CHƯƠNG I

## KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI VẢI TRÊN THẾ GIỚI

### I. Khái quát tình hình sản xuất trái vải trên thế giới

Trên thế giới hiện nay có trên 20 nước trồng vải, trong đó các nước châu Á có diện tích và sản lượng lớn nhất, chiếm khoảng 95% tổng sản lượng vải thế giới, trong đó Trung Quốc và Ấn Độ lần lượt chiếm khoảng 57% và 24%. Sản lượng của Việt Nam chiếm khoảng 6% và đứng vị trí thứ 3 về sản xuất.

**Bảng 1: Sản xuất vải quả của Việt Nam so với các nước trên thế giới**

| Nước              | Sản xuất<br>(tấn) | Tỷ trọng<br>(%) |
|-------------------|-------------------|-----------------|
| Trung Quốc        | 1.482.000         | 57,00           |
| Ấn Độ             | 624.000           | 24,00           |
| <b>Việt Nam *</b> | <b>156.000</b>    | <b>6,00</b>     |
| Madagascar        | 100.000           | 3,85            |
| Đài Loan          | 80.000            | 3,08            |
| Thái Lan          | 43.000            | 1,65            |
| Nepal             | 14.000            | 0,54            |
| Băng la đét       | 13.000            | 0,50            |
| Reunion           | 12.000            | 0,46            |
| Nam Phi           | 8.600             | 0,33            |
| Mauritius         | 4.500             | 0,17            |
| Mexico            | 4.000             | 0,15            |
| Pakistan          | 3.000             | 0,12            |
| Úc                | 2.500             | 0,10            |
| Israel            | 1.200             | 0,05            |
| Hoa Kỳ            | 600               | 0,02            |
| Khác              | 51.600            | 1,98            |
| <b>Thế giới</b>   | <b>2.600.000</b>  | <b>100,00</b>   |

Sản lượng vải toàn cầu năm 2014 ước tính đạt khoảng 2,6 triệu tấn/năm. Sản lượng vải tập trung chủ yếu ở Bắc bán cầu với số lượng lớn được thu hoạch từ tháng Năm đến tháng Bảy, chủ yếu từ các nước sản xuất lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Đài Loan... Sản lượng vải ở Nam bán cầu ít hơn, thu hoạch từ tháng Mười một đến tháng Hai, chủ yếu từ các nước Úc, Nam Phi, Madagascar và Mauritius...

Sản lượng quả vải những năm gần đây liên tục tăng và được dự báo sẽ còn tiếp tục tăng do sản xuất của một số quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan... gia tăng.

Sản xuất vải có tính thương mại gồm các nước: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Đài Loan, Úc, Reunion, Nam Phi, Madagascar, Isarel, Việt Nam. Dự báo trong tương lai Brasil cũng có thể xuất khẩu vải khi nguồn cung cho thị trường nội địa đã dư thừa.

Vải được trồng chủ yếu ở Trung Quốc chiếm 57% tổng sản lượng thế giới, mặc dù phần lớn sản lượng được tiêu thụ trong nội địa. Tương tự như vậy Ấn Độ sản xuất khoảng 24% sản lượng thế giới, cũng tiêu thụ chủ yếu trong nước. Đài Loan và Thái Lan cũng là nhà sản xuất đáng kể và có chiến lược xuất khẩu tích cực. Xét về quy mô sản xuất và thời gian thu hoạch, đối thủ tiềm năng chính của Việt Nam chính là Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan, và Thái Lan do cùng nằm ở Bắc bán cầu nên có thời gian thu hoạch tương tự nhau. Hầu hết các nước này đã xuất khẩu được quả vải sang các thị trường khó tính như Châu Âu, Canada và Hoa Kỳ.

**Bảng 2: Phân bổ mùa vụ vải quả giữa các nước trên thế giới**

| Nước               | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
|--------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----|-----|-----|
| <b>Bắc bán cầu</b> |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Trung Quốc         |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Đài Loan           |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Việt Nam           |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Thái Lan           |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Ấn Độ              |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Israel             |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Mexico             |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Hoa Kỳ             |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| <b>Nam bán cầu</b> |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Úc                 |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Nam Phi            |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Madagascar         |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Mauritius          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
| Brazil             |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |

Thái Lan là một trong 5 nước sản xuất quả vải nhiều nhất trên thế giới với rất nhiều kinh nghiệm trong chế biến và xúc tiến xuất khẩu trái cây. Các doanh nghiệp của Thái Lan rất năng động trong việc cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm và tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường mà họ hướng tới. Thái Lan đã xây dựng được mối quan hệ đối tác bền chặt với các siêu thị và các nhà phân phối bán buôn lớn ở châu Âu để đảm bảo tính ổn định cho xuất khẩu quả vải vào các thị trường này. Thái Lan cũng đặc biệt chú ý đến hình thức mẫu mã và đóng gói sản phẩm. Vải tươi được đóng hộp trong các thùng có màu sắc bắt mắt, dán nhãn với

thông tin chi dẫn đầy đủ. Vải xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Úc được xử lý bảo quản để giữ độ tươi lâu, do đó hầu hết vải của Thái Lan khi xuất khẩu đến các thị trường tiêu dùng vẫn giữ được màu sắc tự nhiên, độ đồng đều cao.

**Bảng 3: Giá bán tham khảo quả vải tươi tại một số thị trường**

| <b>Thị trường</b>  | <b>Nhà phân phối</b>                                       | <b>Giá bán lẻ</b>                                                                                                      |
|--------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Úc                 | Harris Farm Market<br>www.harrisfarm.com.au                | 20 AUD/kg tương đương khoảng 350.000đ/kg                                                                               |
| Anh                | My Supper Market<br>www.mysupermarket.co.uk                | Hộp 12 quả (200g): 1,69 bảng<br>8,45 bảng Anh/kg tương đương khoảng 300.000 đ/kg                                       |
| Đức                | Fresh Plaza<br>www.freshplaza.com                          | 6,9-9,9 Euro/kg tương đương khoảng 200.000-270.000 đ/kg                                                                |
| Hoa Kỳ             | Local Harvest<br>http://www.localharvest.org/lychee-C13304 | Hộp 5 pound: 79 USD/hộp (1 pound=gần 0,5 kg): 31,6 USD/kg tương đương khoảng 660.000 đ/kg<br>Hộp 10 pound: 149 USD/hộp |
| Nội địa Trung Quốc | Cửa hàng bán lẻ                                            | 10-15 USD/kg tương đương khoảng 200.000-300.000đ/kg                                                                    |
| Nhật Bản           | Các siêu thị bán lẻ                                        | 16 USD/set 5-6 quả (khoảng 100 gram) tương đương khoảng 3.200.000 đ/kg                                                 |
|                    | Trang bán hàng Amazon.com                                  | 30,99 USD/2 pound (32USD/kg) tương đương khoảng 672.000 đ/kg                                                           |
|                    | Trang bán hàng BuyExoticFruits.com,                        | 29,99 USD/kg (chiết khấu 10% cho người có coupon) tương đương khoảng 620.000 đ/kg                                      |

(Nguồn: Khảo sát qua mạng của Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương, có bổ sung thêm thị trường Úc)

## **II. Thị trường xuất nhập khẩu trái vải thế giới**

### **1. Một số sản phẩm từ quả vải đang có mặt trên thị trường thế giới**

Theo dự báo, nhu cầu tiêu thụ vải quả trên thế giới sẽ tiếp tục có xu hướng gia tăng trong thời gian tới. Vải quả tươi sẽ vẫn được ưa chuộng nhưng xu hướng đa dạng hóa các sản phẩm vải quả sẽ vẫn diễn ra mạnh mẽ. Các sản phẩm bánh kẹo, mứt, bột và nước ép sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các phân khúc bán buôn thay vì chỉ có sản phẩm vải tươi thống trị phân khúc này như trước kia. Đồng thời người tiêu dùng sẽ ngày càng khó tính



hơn khi lựa chọn các sản phẩm vải quả do họ có nhiều lựa chọn hơn từ các nước khác nhau trên thế giới song xu hướng rõ ràng là những sản phẩm an toàn và giữ được hương vị tự nhiên sẽ được ưu tiên hơn. Hiện nay trên thị trường thế giới có một số sản phẩm như sau:

- Quả vải tươi: đóng gói, bảo quản, vận chuyển: vải tươi từ các nước được xử lý bảo quản, đóng thùng, dán nhãn, xuất khẩu bằng đường hàng không hoặc đường bộ (trường hợp các nước liền biên giới). Yêu cầu độ đồng đều, màu vải tươi tự nhiên, xử lý xạ/nhiệt để đảm bảo không có dịch bệnh;
- Vải đóng hộp: các sản phẩm vải đóng hộp rất đa dạng, tùy thuộc vào thị hiếu của từng thị trường. Theo đó mức độ ngọt, trọng lượng hộp, số lượng quả vải trong mỗi hộp sẽ dao động tùy theo thị trường;
- Bột quả vải, nước quả vải cô đọng: vải quả nghiền, cô đọng, sử dụng để làm đồ uống hỗn hợp, kem, sinh tố... Yêu cầu độ mịn, độ đường đạt tiêu chuẩn của thị trường tiêu thụ;
- Bánh kẹo từ quả vải, vải sấy khô: vải sấy khô, kẹo vải, bánh vải, vải ngâm mật ong, thạch vải... các sản phẩm này chủ yếu bán ở các siêu thị;
- Mứt vải: mứt vải rất được ưa chuộng tại Hoa Kỳ và châu Âu, nhất là khi mùa vải tươi đã kết thúc, được bán phổ biến trong các siêu thị;
- Si rô vải: được chế biến theo công thức riêng của từng nhà sản xuất, kết hợp với một số thành phần khác để vừa đạt yêu cầu về dinh dưỡng, hương vị, vừa đáp ứng một yêu cầu riêng gì đó về sức khỏe (ví dụ được dùng như một loại thực phẩm chức năng: Vải quả rất tốt cho những người cao huyết áp, chứa một lượng rất thấp natri, nhưng lượng kali cao trong một khẩu phần vải);
- Nước ép vải: phổ biến tại các siêu thị trên thế giới;
- Trà vải: Trung Quốc, Đài Loan đã sản xuất trà đen hương vải, trà tẩm vị vải tươi tự nhiên và đã xuất khẩu được sang Hoa Kỳ, châu Âu;
- Kem dưỡng da từ quả vải: sản phẩm chăm sóc da quả vải được tinh chế nhằm đảm bảo mùi thơm và công dụng tự nhiên của quả vải đối với da, đồng thời có đặc trưng của quả vải tươi với ánh đỏ nhạt gợi cảm. Hiện nay các nhà sản xuất của Thái Lan đã xuất khẩu được sản phẩm này sang Hoa Kỳ.

## ***2. Tình hình xuất khẩu***

Tổng lượng xuất khẩu trên thế giới chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ - khoảng 2% tổng sản lượng sản xuất.

Những nước dẫn đầu về xuất khẩu quả vải bao gồm: Madagasca (xuất khẩu khoảng 25% sản lượng, chiếm khoảng 70% thị phần ở EU cũng

như xuất khẩu toàn thế giới), Nam Phi (xuất khẩu tới 90%) hay Israel (hơn 70% sản lượng) (GHD, 2013).

Đứng đầu về sản xuất vải nhưng sản phẩm của Trung Quốc và Ấn Độ chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa. Với Việt Nam, tỷ lệ xuất khẩu lên tới 40% sản lượng, nhưng chủ yếu qua cửa khẩu phụ và lối mở biên giới nên chưa có mặt trên bản đồ như một nhà xuất khẩu lớn về vải. Và do vậy, Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam là ba nước dẫn đầu về sản lượng vải nhưng đều không nằm trong danh sách các nước xuất khẩu trái vải đứng đầu thế giới.

Trung Quốc và Thái Lan xuất khẩu vải chủ yếu sang châu Âu, Canada, Hoa Kỳ, Úc.

Đài Loan xuất khẩu vải chủ yếu sang Châu Âu, Canada và Hoa Kỳ. Đài Loan vừa được phép xuất khẩu vải sang Úc.

Mexico chủ yếu xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Các nước trồng vải ở Nam bán cầu cạnh tranh nhau tại các thị trường Hồng Kông, Singapore, các tiểu vương quốc Ả Rập, các nước đảo Thái Bình Dương...

Năm 2009, trái vải của Úc đã được phép vào thị trường New Zealand với yêu cầu chiếu xạ để bảo đảm an toàn sinh học. Tuy nhiên, cho đến nay khối lượng xuất khẩu vải của Úc sang New Zealand tương đối thấp, một phần do đồng đô la Úc cao so với đô la New Zealand.

Úc cũng đang tiến hành đàm phán với Hoa Kỳ và Trung Quốc để xuất khẩu vải chiếu xạ sang các thị trường này trong thời gian tới.

### ***3. Một số thị trường chính và tiềm năng của Việt Nam***

#### **Khu vực Đông Bắc Á**

Nhật Bản và Hàn Quốc hiện nay đều chưa cho phép nhập khẩu quả vải tươi. Mặt hàng vải đông lạnh Việt Nam đã xuất hiện tại một số siêu thị lớn tại Hàn Quốc và khả năng tiêu thụ khả quan. Còn tại Nhật Bản, sản phẩm này mới xuất hiện lần đầu tiên vào tháng 11 năm 2014 và được sử dụng công nghệ bảo quản CAS (đây là công nghệ độc quyền của tập đoàn ABI Nhật Bản, giúp giữ độ tươi nguyên của sản phẩm như vừa được thu hoạch). Người tiêu dùng Nhật Bản đánh giá tốt về mùi vị, chất lượng của vải đông lạnh Việt Nam được bảo quản theo công nghệ này.

Mặt hàng vải đông lạnh có mức giá khoảng 75.000 đ/kg tại Hàn Quốc và 80.000 đ/10 quả vải tại Nhật Bản.

Đối với thị trường Trung Quốc đại lục, vải thiều là loại quả nhiệt đới rất được ưa thích. Theo thông tin của phía Hải quan Trung Quốc trong những năm gần đây, trên khoảng 90% lượng nhập khẩu mặt hàng vải thiều Trung Quốc là từ Việt Nam. Tuy nhiên cũng như nhiều chủng loại trái cây nhiệt đới khác xuất khẩu sang Trung Quốc, khoảng 90% lượng vải của Việt Nam nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc qua đường các cửa khẩu biên giới theo hình thức thương mại biên giới (năm 2014 Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc ước khoảng 100.000 tấn vải thiều). Như vậy có thể nói, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu tiêu thụ gần như toàn bộ sản lượng vải thiều hàng năm của Việt Nam, đồng thời Việt Nam cũng là thị trường cung ứng gần như toàn bộ mặt hàng vải thiều cho người tiêu dùng Trung Quốc.

Vải thiều Việt Nam sau khi đưa qua các cửa khẩu biên giới Việt – Trung được các thương lái Trung Quốc đưa đi các tỉnh, địa phương khắp Trung Quốc, lên tận các siêu thị, các chợ dân sinh ở khu vực phía Bắc. Do thị hiếu của người dân Trung Quốc là thích ăn vải thiều tươi (lượng vải thiều khô tiêu thụ không nhiều, chủ yếu dùng trong chế biến thực phẩm), nên việc bảo quản tươi là rất quan trọng. Vải thiều Việt Nam đưa sang Trung Quốc tiêu thụ thường được đóng thùng xốp, lót nylon và ướp đá để vận chuyển đi xa mà vẫn đảm bảo tươi, tuy nhiên thời gian bảo quản cũng chỉ được tối đa 7 ngày.

Giá cả tiêu thụ tại các tỉnh, địa phương Trung Quốc có sự chênh lệch nhất định nhưng không quá lớn. Đầu mùa giá vải thiều bán lẻ ngoài thị trường khoảng 50.000-70.000 đ/kg, giữa mùa khi lượng cung lớn thì giá khoảng 35.000-50.000 đ/kg, trong khi đó giá bán tại siêu thị cao hơn giá lẻ ngoài thị trường khoảng 30.000-35.000 đ/kg. Giá bán tại các tỉnh phía Nam Trung Quốc thường thấp hơn so với các tỉnh khu vực miền Tây hoặc phía Bắc Trung Quốc do giảm được chi phí vận chuyển và hao hụt trong bảo quản.

Đối với Đài Loan, đây là thị trường có ngành nông nghiệp tương đối phát triển. Sản lượng vải thiều năm 2013 của Đài Loan đạt hơn 93 nghìn tấn trên diện tích hơn 11 nghìn ha. Đài Loan cũng xuất khẩu vải thiều sang nhiều thị trường quan trọng và đòi hỏi tiêu chuẩn cao như Hoa Kỳ, Nhật, Canada, Hàn Quốc, Singapore. Do vậy, khả năng Đài Loan nhập khẩu vải thiều Việt Nam với số lượng lớn là khá thấp. Bên cạnh đó, mức độ bảo hộ các sản phẩm nông nghiệp nội địa của Đài Loan hiện nay vẫn rất cao sẽ trở thành rào cản đối với vải thiều Việt Nam.

#### Khu vực Đông Nam Á

Trong các thị trường lớn thuộc khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Malaysia, Singapore, Myanmar, Indonesia, Philippines, hiện chỉ có Thái Lan là nước trồng và xuất khẩu trái vải tươi lớn nhất khu vực. Hàng năm, Thái Lan thu hoạch khoảng 100.000 tấn vải tươi, trong đó xuất khẩu 20% và tiêu thụ tại thị trường nội địa 80% sản lượng. Giá bán lẻ trái vải trong hệ thống các siêu thị Thái Lan vào khoảng 18.000 đ/kg đối với vải trái to và 15.000 đ/kg đối với trái nhỏ.

Thái Lan xuất khẩu 2 loại là vải đóng hộp và vải tươi với tỷ lệ xuất khẩu khá tương đương, khoảng 50% cho mỗi loại. Các thị trường nhập khẩu chính sản phẩm của Thái Lan gồm có Hồng Kông (nhập khẩu mạnh nhất vải tươi), tiếp đó là Malaysia và Hoa Kỳ (chủ yếu nhập khẩu vải đóng hộp), Singapore, Trung Quốc. Trung Quốc được đánh giá là thị trường tiềm năng và sẽ phát triển nhanh trong thời gian tới.

Thái Lan là đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam đối với mặt hàng này. Một số nước trong khu vực Đông Nam Á (như Myanmar, Singapore) được đánh giá là thị trường tiềm năng nhưng vải thiều Việt Nam vẫn chưa xúc tiến tiếp cận thị trường.

#### Khu vực Châu Đại Dương

Tại các chợ nông sản và siêu thị Úc và New Zealand, trái vải thiều chỉ xuất hiện theo mùa và nhập khẩu từ Thái Lan. Giá bán lẻ rất cao và không hợp lý (khoảng 350.000 đ/kg/thùng 3kg) hay bán lẻ theo phương thức tự chọn với giá hơn 500.000 đ/kg. Về chất lượng, do bảo quản lạnh, dài ngày nên cả về mẫu mã và hình thức đều không đạt yêu cầu.

Có thể đánh giá, tuy nhu cầu nhập khẩu vải thiều của hai thị trường này không cao nhưng vẫn có tiềm năng. Đặc biệt đối với Úc, mùa vải của Úc trái với mùa vải của Việt Nam nên vải Việt Nam hoàn toàn có khả năng tiêu thụ tại thị trường. Bên cạnh đó, chi phí lao động trong ngành trồng trọt thâm canh của Úc tăng đáng kể nên vải Việt Nam có cơ hội cạnh tranh về giá.

#### Khu vực châu Âu

Tỉ lệ người châu Á ở các nước EU đang tăng cao; vì vậy nhu cầu tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc từ châu Á ngày càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Vải là loại trái cây đặc biệt đang dần được ưa chuộng tại châu Âu đặc biệt là tại Pháp dù lượng tiêu thụ bình quân đầu người còn hạn chế. Châu Âu nhập khẩu quả vải chủ yếu từ Madagascar và Nam Phi. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này giữa Madagascar và EU đã tăng mạnh từ 18

triệu Euro lên đến 72 triệu Euro trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2012, đáp ứng 70% nhu cầu của thị trường. Vải nhập từ nước này thường đến vào tháng 10, kéo dài đến tháng 2 năm sau.

### Khu vực châu Mỹ

Thị trường Hoa Kỳ: Với dân số lên tới 317,5 triệu người, trong đó cộng đồng gốc châu Á chiếm một số lượng đông đảo, nhu cầu về các loại hoa quả nhiệt đới tại Mỹ ngày càng tăng và giá cũng được đẩy lên. Vải, nhãn, thanh long hay chôm chôm đều là những loại quả mà ngay cả người Hoa Kỳ cũng rất ưa chuộng. Hoa Kỳ hiện chủ yếu nhập vải từ một số quốc gia và vùng lãnh thổ như Đài Loan, Trung Quốc, Israel, Mexico và Thái Lan. Trái cây nhiệt đới như vải, nhãn, chôm chôm ở Hoa Kỳ rất đắt nhưng cộng đồng người gốc châu Á tiêu thụ rất nhiều. Tuy nhiên trái cây này xuất xứ từ Thái Lan, Trung Quốc, Hawaii chứ lâu nay chưa có trái cây Việt Nam. Với vải do Hoa Kỳ trồng, giá bán buôn là 1,67 USD/pound trong khi giá vải nhập khẩu chỉ có 0,86 USD/pound, chỉ bằng 51%. Thị trường Hoa Kỳ có sức tiêu thụ rất lớn và ổn định, nếu đạt quy trình của Hoa Kỳ thì có thể bán với giá rất cao. Vì vậy, mặt hàng này rất có triển vọng tại thị trường Hoa Kỳ nếu đáp ứng được một số tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của nước này. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ước tính rằng, Việt Nam sẽ xuất sang Hoa Kỳ hàng năm khoảng 600 tấn vải, chiếm 69% thị phần tại đây. Do Florida và Hawaii cũng trồng được vải và nhãn nên Hoa Kỳ không cho phép Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng này vào 2 bang trên để bảo vệ người tiêu dùng địa phương.

Thị trường Brasil: ở Brasil, cây vải thiều không được trồng nhiều trên quy mô lớn, quả vải được tiêu thụ như loại quả hiếm, giá cao vào dịp lễ cuối năm. Vải thiều được chế biến làm nước quả đóng hộp cũng như kem hương vị vải. Song do nguồn nguyên liệu quy mô nhỏ, sản lượng ít mùa vụ thất thường nên hầu như chưa có nhà máy chế biến công nghiệp vải thiều ở Bra-xin. Bang São Paulo có số người gốc châu Á lớn nhất Brasil, hầu hết là người Nhật Bản và Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, họ cũng là những người tiêu thụ phần lớn lượng vải thiều của quốc gia này do thị hiếu tiêu dùng và cũng do đã biết rõ về loại quả này.

### Khu vực châu Phi, Tây Á, Nam Á

Hiện nay, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng vải thiều của Việt Nam sang các nước thuộc khu vực Châu Phi Tây Nam Á còn rất nhỏ hoặc không có. Trong đó UAE là thị trường nhập khẩu vải thiều lớn nhất của Việt Nam tại khu vực, tuy nhiên kim ngạch năm 2013 chỉ đạt 172.000 USD và chưa có thương hiệu tại đây. Đối với thị trường này, mặt hàng vải thiều khá được ưa chuộng trong cộng đồng dân cư nước ngoài sống tại UAE bao gồm Ấn Độ, Philippines và các nước ASEAN khác. Người dân bản xứ và dân Ả-rập

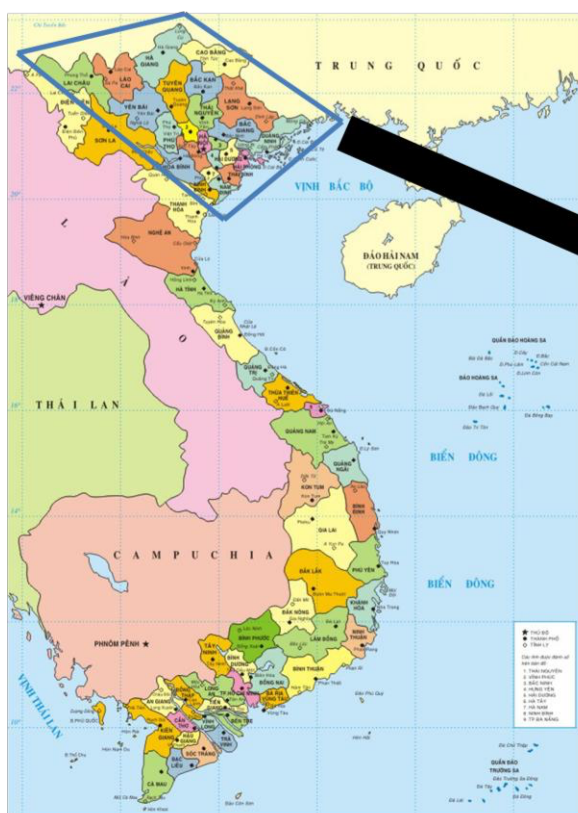
chưa biết nhiều đến mặt hàng này. Tại các siêu thị, cửa hàng rau quả tại UAE, vải thiều được bán theo từng túi lưới (khoảng 300-500g không cộng cước) hoặc vải đóng hộp, nước vải (chủ yếu là Ấn Độ - 45%, Thái Lan, Tây Ban Nha, Malaysia) lượng tiêu thụ quả vải tươi là khá lớn (khoảng 15.000 tấn, kim ngạch 16 triệu USD), là loại quả tương đối được ưa thích tại UAE – thị trường phong phú về các loại quả tươi khác nhau trên thế giới.

## CHƯƠNG II

### TỔNG QUAN VÀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU TRÁI VẢI VIỆT NAM

#### I. Tình hình trồng vải

Vùng trồng vải của Việt Nam tập trung ở phía Bắc và một ít vùng ở phía Nam. Các tỉnh trồng vải bao gồm Lào Cai, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Nội, Hoà Bình, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Bắc Giang, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá và Phú Thọ. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết chỉ có Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Giang và Quảng Ninh có sản lượng và chất lượng cao để xuất khẩu.



Map 1



Map 2

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sản lượng vải cả nước đạt khoảng 210.000 tấn, tăng 25,7% so với năm 2013. Trong đó, sản lượng chủ yếu tập trung tại hai tỉnh Bắc Giang và Hải Dương. Sản lượng tại hai tỉnh này ước đạt 190.000 tấn quả tươi (tăng khoảng 13,6%, tương ứng 24.000 tấn), trong đó Bắc Giang có sản lượng đạt 140.000 tấn và Hải Dương khoảng 50.000 tấn.

## Sản lượng vải của Việt Nam từ năm 2004 đến năm 2014

| Năm  | Sản lượng (tấn) |
|------|-----------------|
| 2004 | 120.000         |
| 2005 | 140.000         |
| 2006 | 130.000         |
| 2007 | 160.000         |
| 2008 | 140.000         |
| 2009 | 140.000         |
| 2010 | 120.000         |
| 2011 | 185.740         |
| 2012 | 141.340         |
| 2013 | 167.000         |
| 2014 | 210.000         |

Mùa thu hoạch vải ở Việt Nam vào khoảng tháng Năm và tháng Bảy. Mùa vụ quả vải thường chia làm 2 giai đoạn: Vải vụ sớm (bắt đầu từ khoảng giữa tháng 5 đến giữa tháng 6) chủ yếu là tiêu thụ trong nước. Vải vụ muộn (bắt đầu từ đầu tháng 6 đến đầu tháng 7) chủ yếu là xuất khẩu. Vải được thu hoạch vào sáng sớm hoặc chiều muộn trong những ngày thời tiết mát và khô. Ở Việt Nam, vải không được thu hoạch và bán rời quả như các nước khác mà thu hoạch theo từng chùm vẫn còn nguyên lá để giữ vải tươi được lâu hơn. Vải tiêu thụ trong nước được thu hoạch lúc chín cây, tuy nhiên vải để xuất khẩu thường thu hoạch lúc trái vải vừa chớm chuyển sang màu đỏ. Nếu chưa được tiêu thụ ngay, vải sẽ được bảo quản trong phòng lạnh ở nhiệt độ 4-5°C và 90-95% độ ẩm để tránh tình trạng mất nước làm vải thâm và giảm chất lượng.

Để đáp ứng các tiêu chuẩn để mở rộng thị trường xuất khẩu là hết sức cần thiết. Trong mùa vải năm 2015, riêng huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) có kế hoạch sản xuất 9.500 ha vải thiều theo tiêu chuẩn VietGAP tại 30 xã, thị trấn và tăng lên 10.000 ha vào năm 2020. Ngoài ra, dự kiến diện tích sản xuất vải đạt tiêu chuẩn GlobalGAP năm 2016 là 150 ha, và đạt 250 ha vào năm 2020.

Hiện nay, ở Việt Nam có 17 phòng cấp giấy chứng nhận VietGAP (các phòng cấp giấy chứng nhận này được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nhưng không phải là cơ quan nhà nước). Trước khi cấp giấy chứng nhận, họ sẽ đi kiểm tra vườn cây và các thông tin cung cấp bởi chủ vườn. Các phòng cấp giấy chứng nhận VietGAP phải chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện theo tiêu chuẩn VietGAP. Các vườn vải được cấp chứng nhận VietGAP phải ghi nhật ký việc sử dụng hoá học để kiểm soát dịch bệnh.



## II. Tình hình tiêu thụ trái vải

Thông kê cũng cho thấy, tiêu thụ tại thị trường trong nước chiếm đến khoảng 60% sản lượng (thị trường tiêu thụ chủ yếu tại các tỉnh, thành phố Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam) trong khi xuất khẩu quả vải tươi, qua chế biến chiếm khoảng 40% sản lượng, trong đó xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc. Ngoài Trung Quốc, Việt Nam còn xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Malaysia, Singapore, Nhật Bản, châu Âu, Nga... nhưng số lượng rất nhỏ.

Giá bán nội địa tại tỉnh Bắc Giang, giá vải loại 1 từ 28.000đ-30.000đ/kg, giá vải loại 2 từ 17.000đ - 19.000đ/kg và giá vải loại xấu nhất (dùng để chế biến các sản phẩm nước ép, đóng hộp và sấy khô) từ 5.000đ - 10.000đ/kg; tại thành phố Hà Nội, giá vải dao động từ 15.000đ - 20.000đ/kg; tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đông - Tây Nam Bộ, giá vải dao động từ 18.000đ - 27.000đ/kg tùy theo chất lượng quả vải.

Về xuất khẩu, trái vải tươi của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc. Theo thống kê của Bộ Công Thương, khối lượng quả vải tươi được xuất khẩu qua các cửa khẩu thuộc Lào Cai, Lạng Sơn và Hà Giang tính đến hết ngày 02 tháng 7 năm 2014 là 69.300 tấn với trị giá là 44 triệu USD, trong đó qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Lào Cai là 31.000 tấn, tỉnh Lạng Sơn là 36.100 tấn và tỉnh Hà Giang là 2.200 tấn. Như vậy, khối lượng quả vải mùa vụ năm 2014 xuất khẩu qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc sang thị trường Trung Quốc vẫn tương đương mọi năm.

Khối lượng quả vải xuất khẩu sang Trung Quốc qua các cửa khẩu của tỉnh Lạng Sơn (như Tân Thanh, Cốc Nam, Nà Nưa) khoảng trên 4.000 tấn/ngày; khối lượng xuất khẩu qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Lào Cai khoảng 1.000 tấn/ngày.

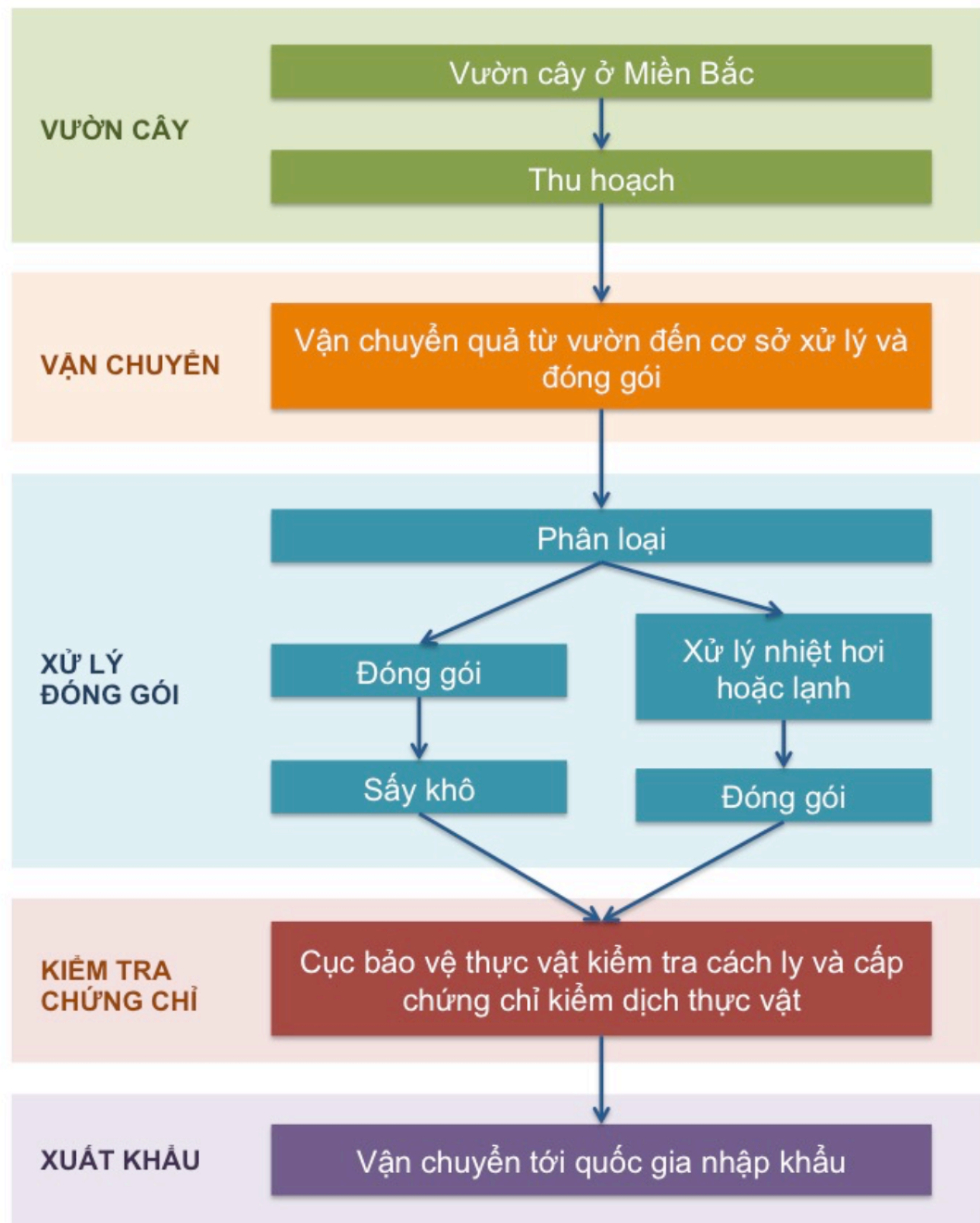
Giá xuất khẩu quả vải theo hợp đồng kinh tế của doanh nghiệp dao động từ 12.000 - 18.000 đ/kg. Còn giá bán tự do tại cửa khẩu có xu hướng giảm so với thời gian đầu vụ, dao động từ 9.000 - 13.000 đ/kg ở chính vụ, tiêu thụ với sản lượng lớn trong khi một số thương lái trong nước đưa hàng lên biên giới để bán tự do không có hợp đồng kinh tế nên bị khách hàng ép giá. Giá bán vải loại 1 tại vườn cho thương nhân Trung Quốc thu mua để xuất khẩu có thời điểm cao và dao động từ 28.000 - 30.000 đ/kg.

Năm 2014, 10 tấn vải thiều Lục Ngạn lần đầu tiên xuất khẩu thành công sang thị trường Nhật Bản. Từ ngày 6/10/2014, Hoa Kỳ đã cấp phép nhập khẩu trái vải của Việt Nam và dự kiến trong thời gian tới, Úc cũng cấp phép nhập khẩu. Đối với thị trường Úc, Việt Nam có khả năng cung

cấp 200 tấn/năm trong vòng 5 năm đầu tiên kể từ khi được cấp phép.

Để xuất khẩu trái vải tươi sang các nước đòi hỏi kiểm dịch khắt khe, vải của Việt Nam sẽ được chiếu xạ, xử lý nhiệt hơi hoặc giữ lạnh để diệt côn trùng gây bệnh trước khi xuất khẩu, sau đó sẽ được cơ quan kiểm dịch của Việt Nam kiểm tra và cấp giấy chứng nhận trước khi xếp hàng vào container lạnh để xuất khẩu.

## Quy trình xuất khẩu trái vải tươi của Việt Nam



### III. Phương pháp chiếu xạ để xuất khẩu

Một trong những biện pháp kiểm soát dịch bệnh khi nhập khẩu vào các thị trường khó tính là xử lý chiếu xạ.

Quy trình chiếu xạ thực hiện như sau: Một hộp đựng các vật phẩm cần chiếu xạ (hoa quả, thực phẩm hay các vật liệu cần nghiên cứu khác) được kéo qua một buồng chiếu xạ bằng băng chuyền. Tùy theo loại vật phẩm và mục đích chiếu xạ, liều chiếu hay thời gian chiếu được xác định trước, đồng thời được đo bởi các liều kế gắn với các hộp chứa vật phẩm.

Như vậy, các vật phẩm không hề tiếp xúc với chất phóng xạ, chỉ được lướt qua chùm tia phóng xạ tương tự đi qua một luồng ánh sáng rộng trong một khoảng thời gian định trước.

Nếu biện pháp đông lạnh chỉ có khả năng ức chế sự phát triển của vi sinh vật thì chiếu xạ gây tổn thương tính di truyền (phân tử AND) làm mất khả năng sinh sản của vi sinh vật. Như vậy, sau khi chiếu xạ, các vi sinh vật gây bệnh cho người và các vi sinh vật gây hại cho thực phẩm bị bất hoạt, điều này có nghĩa là chiếu xạ giúp kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm. Cũng cần bổ sung thêm, quá trình tương tác giữa bức xạ và thực phẩm chỉ tạo ra một lượng nhiệt không đáng kể nên chiếu xạ diệt được vi khuẩn nhưng không làm chín, không làm mất các chất dinh dưỡng và không làm biến dạng bao gói thực phẩm bằng plastic... tạo thuận lợi cho khâu lưu trữ, phân phối, xuất khẩu thực phẩm tới các thị trường xa, trái thời vụ.

Ủy ban hỗn hợp giữa FAO, WHO và IAEA, năm 1980 đã khẳng định chiếu xạ không làm giảm dinh dưỡng trong thực phẩm. Sự thay đổi các giá trị dinh dưỡng trong thực phẩm chỉ phụ thuộc vào nhiều yếu tố: liều lượng bức xạ, loại thực phẩm, chất liệu bao gói và các điều kiện xử lý (nhiệt độ trong thời gian chiếu xạ và lưu kho sau chiếu xạ). Phần lớn các yếu tố trên cũng xuất hiện trong các phương pháp bảo quản thực phẩm khác đã và đang sử dụng. Trong “10 Quy tắc vàng” của WHO cho việc lựa chọn và dùng thực phẩm thì Quy tắc thứ nhất là lời khuyên “hãy chọn thực phẩm đã được xử lý đảm bảo an toàn”, và trong các phương pháp bảo đảm an toàn hiện có “nên chọn thực phẩm xử lý bằng bức xạ”.

Như vậy chiếu xạ thực phẩm được xem là công nghệ lành, vì vậy nhiều nước như Israel, Hoa Kỳ, Úc, nhiều nước châu Âu... yêu cầu các loại sản phẩm hoa quả nhập khẩu phải được kiểm dịch bằng bức xạ. Nhiều nước khác như Hàn Quốc, New Zealand và một số nước châu Âu không yêu cầu bắt buộc như vậy nhưng chấp nhận biện pháp kiểm dịch bức xạ.

Hiện nay ở Việt Nam đã có các trung tâm chiếu xạ đủ tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.

#### **IV. Những khó khăn trong việc xuất khẩu vải**

Sản lượng lớn, chất lượng tốt song khâu bảo quản và tiêu thụ quả tươi vẫn đang là một thách thức đối với người trồng vải. Việc tìm kiếm, ứng dụng công nghệ bảo quản sẽ mở ra cơ hội cho vải thiều Việt Nam thâm nhập các thị trường "khó tính", tăng giá trị và hiệu quả kinh tế.

Vải thiều là một loại quả khó bảo quản, và lại chín rộ trong thời gian rất ngắn, chỉ khoảng 1 tháng nên vấn đề tiêu thụ là khâu rất quan trọng. Vấn đề tiêu thụ hiện nay của người dân còn khá thụ động, chưa kết nối được các miền đất nước và đặc biệt không có bạn hàng lâu năm. Phương thức mua bán vẫn theo hình thức cổ điển, chờ thương lái đến mua tại vườn nên hiệu quả đạt được khá thấp.

Ngoài vấn đề bảo quản thì vấn đề bảo vệ thương hiệu cũng là mối quan tâm. Việc bảo vệ và nhận diện thương hiệu là việc rất quan trọng, nếu làm tốt việc này sẽ giúp cho việc tiêu thụ hàng hóa dễ dàng, người tiêu dùng tin tưởng thì những sản phẩm đó sẽ được giá tốt.

Mặc dù hiện nay, tỉnh Hải Dương và Bắc Giang đang tích cực tăng diện tích vùng trồng vải theo tiêu chuẩn VietGAP, tuy nhiên theo khảo sát, dù là vùng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP nhưng không có nhiều hộ đáp ứng được yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Do vậy, muốn xuất khẩu được vải thiều vào thị trường cao cấp như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc... thì phải sản xuất bảo đảm tiêu chuẩn GlobalGAP và chỉ có thực hiện nghiêm các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn này thì vải thiều của Việt Nam mới có thể lọt qua được sự kiểm soát chặt chẽ ở các thị trường cao cấp.

Một số vấn đề nữa là vải thiều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chủ yếu qua các tiểu thương người Việt Nam và Trung Quốc nên rất tự phát. Vì vậy, muốn xuất khẩu sang các thị trường "khó tính" hơn cần phải có sự vào cuộc của doanh nghiệp. Trước những yêu cầu khắt khe về chiếu xạ hay cách bảo quản, vận chuyển, hợp đồng, các tiểu thương khó có thể thực hiện được, cần có các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản được đầu tư nhà xưởng, máy móc, có nhiều kinh nghiệm trong việc xuất khẩu.

### CHƯƠNG III

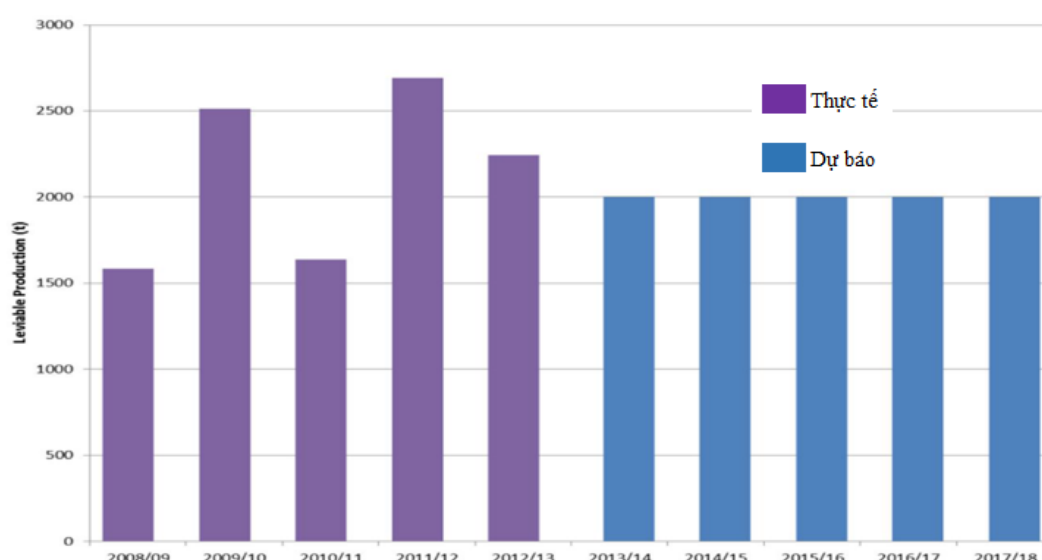
## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI VẢI TẠI ÚC

### I. Tình hình sản xuất

#### 1. Sản lượng và giá trị

Ngành trồng vải của Úc đã phát triển từ một ngành non trẻ vào giữa năm 70 của thế kỷ trước cho đến nay đã có hơn 300 người trồng vải trên diện tích hơn 800 ha, với khoảng 4.000 cây vải, sản xuất khoảng 2.000-3.000 tấn vải, trị giá khoảng 10-15 triệu AUD mỗi năm. Sản lượng dự báo vẫn ở mức tương tự trong vòng 5 năm tới.

**Sản lượng thực tế và dự báo**



#### 2. Giống

Hiện nay có 8 giống vải được trồng ở Úc, có hạt nhỏ, có thể bán giá cao; cùng với giống vải thu hoạch sớm của Bắc Queensland. Các giống vải chính xếp theo thứ tự về quy mô thị phần là: Bosworth (còn gọi là Kwai May Pink), Tai So, Fay Zee, Siu (còn gọi là Feizixiao), Salathiel, Souey Tung, Sah Keng và Kaimana.

Các giống mới đang được chọn thông qua Chương trình chọn giống do ngân sách Chính phủ và ngành vải tài trợ, cộng thêm việc nhập khẩu giống cây tốt từ nước ngoài trong đó có giống vải không hạt. Các giống mới ở trong nước đang được Hiệp hội những người trồng vải (ALGA)

trồng thử, do Tổ chức Nghiên cứu khoa học và công nghiệp liên bang (CSIRO) cung cấp hạt giống.

### **3. Vùng trồng vải**

Vải được trồng ở những dải đất dài dọc bờ biển phía đông từ Cooktown, ở cực bắc Queensland đến Coffs Harbour ở phía Bắc bang New South Wales. Địa bàn sản xuất chủ yếu là các vùng Sunshine Coast, Bundaberg, Rockhampton, Mackay, Ingham, Tully và Atherton Tablelands.

Cũng có một vài người trồng vải ở Lãnh thổ phía Bắc và Bang Tây Úc. Tuy nhiên, không có số liệu về sản lượng và xu thế biến động về sản lượng của vùng này.

### **4. Thời vụ**

Vụ mùa thu hoạch vải bắt đầu từ cuối tháng 10 đến giữa tháng 3.

## **II. Tình hình tiêu thụ**

### **1. Mạng lưới phân phối**

Bảng dưới đây cho thấy tình hình tiêu thụ vải của Úc qua các kênh phân phối khác nhau (dựa trên con số sản lượng 2.000 tấn mỗi vụ). Trong những năm tới, kênh phân phối trực tiếp hay phân phối trên đường vận chuyển có thể sẽ gia tăng. Nếu thâm nhập được thị trường Trung Quốc thì lượng vải xuất khẩu hoàn toàn có thể chiếm tới 50% sản lượng.

#### **Mạng lưới/đầu mỗi phân phối vải**

|                      | Tỷ lệ<br>(%) | Lượng<br>(tấn) |
|----------------------|--------------|----------------|
| Trực tiếp/trên đường | 15           | 350            |
| Xuất khẩu            | 12           | 282            |
| Đầu mối chính        | 25           | 587            |
| Bán lẻ               | 48           | 1.128          |

## **2. Tiêu thụ ở trong nước**

Phần lớn vải được tiêu thụ trong nước và chủ yếu bán tại các cửa hàng, siêu thị ở Sydney, Melbourne và Brisbane. Tại Adelaide và Perth cũng có nhu cầu tiêu thụ vải quả, tuy quy mô còn nhỏ.

Phần lớn thị trường trong nước là do người trồng vải độc lập cung cấp, thông qua 2 nhóm tiếp thị. Nhóm thứ nhất có tên là *United Lychee Marketing Authority – ULMA*, có thương hiệu vải là “Sun Lychee”, có liên minh những người trồng vải ở tất cả các vùng, số lượng thành viên và mức độ ảnh hưởng của nhóm này đang tăng lên; Nhóm thứ 2 có tên là *Top Crop*, hoạt động ở vùng phía Bắc Queensland.

## **3. Chế biến**

Dường như chưa có hoạt động chế biến vải mang tính thương mại ở trong nước.

## **4. Xuất khẩu**

Xuất khẩu vải của Úc chủ yếu là sang các nước Đông Nam Á, Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, các đảo Thái bình dương và Canada. Vào năm 2009, vải đã được cấp phép vào thị trường New Zealand với điều kiện được khử trùng bằng phương pháp chiếu xạ.

Trong thời gian cuối những năm 1990 ước tính có tới 30-35% sản lượng vải của Úc được xuất khẩu, tức là khoảng 700 đến 1.000 tấn/năm. Kim ngạch xuất khẩu đã giảm mạnh kể từ khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2001 và hạn chế kiểm dịch đã được đặt ra cho trái cây nhập khẩu vào Trung Quốc. Hiện nay, theo ước tính của Hiệp hội những người trồng vải của Úc, kim ngạch xuất khẩu đã giảm xuống chỉ còn 500-600 tấn mỗi năm. Nếu vải có thể thâm nhập lại thị trường Trung Quốc thì có thể đạt được mục tiêu mở rộng thị trường của ngành vải Úc.

Hồng Kông vẫn là điểm đến chủ yếu của vải Úc, chiếm 40% lượng hàng xuất khẩu. Khi xuất sang các nước Hồng Kông, Singapore, Vương quốc Anh, Pháp, Bỉ, Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và Ca-na-đa vải Úc không cần xử lý khử trùng. Các biện pháp khử trùng và quy trình liên quan đã được xây dựng cho thị trường New Zealand. Các biện pháp khử trùng và quy trình liên quan cũng đang được xây dựng cho thị trường lục địa Trung Quốc và Hoa Kỳ.



Toàn bộ vải xuất khẩu của Úc có thể được tiêu thụ bằng tên gọi là “quả vải tươi” do vận chuyển bằng đường hàng không, bằng thùng giữ lạnh. Vải của Úc có lợi thế hơn so với các sản phẩm của nước khác do mùa thu hoạch kéo dài và không trùng với mùa thu hoạch của các nước trồng vải lớn trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam... Vải của Úc có năng suất cao và được đánh giá là cao cấp do chất lượng sạch, không sử dụng hoá học trong trồng trọt và bảo quản.

Hiệp hội những người trồng vải của Úc đang xây dựng Chiến lược đầu tư và Chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu trái vải của Úc, trong đó mục tiêu đặt ra đến năm 2017, Úc sẽ xuất khẩu 50% tổng sản lượng.

### **5. Nhập khẩu**

Nam Phi, Trung Quốc và Thái Lan là ba nước duy nhất tiếp cận được thị trường vải của Úc. Tuy nhiên, Nam Phi gần như không xuất khẩu vải sang Úc do trùng mùa thu hoạch. Trung Quốc và Thái Lan được phép xuất khẩu vải vào Úc từ năm 2004, và bắt đầu xuất khẩu từ năm 2005. Sản phẩm của hai nước này được bán tại thị trường Úc trong thời gian vải của Úc chưa đến kỳ thu hoạch.

Đối với Úc, việc nhập khẩu trái vải từ các nước có mùa vụ ngược với Úc mang đến một lợi thế tiềm năng cho ngành trồng vải của Úc bởi người dùng sẽ có thói quen ăn vải tươi quanh năm. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm nhập khẩu kém sẽ ảnh hưởng đến các sản phẩm của Úc trong trường hợp người tiêu dùng không muốn ăn vải nữa.

Úc vừa cấp phép nhập khẩu cho Đài Loan xuất khẩu 600-800 tấn và sẽ cấp phép cho Việt Nam trong thời gian tới với dự kiến khoảng 200 tấn vải tươi/năm vào thị trường Úc trong 5 năm đầu tiên.

## **III. Xu hướng phát triển, thị hiếu người tiêu dùng**

Thị trường Úc không phải là một thị trường nhập khẩu vải lớn, nhưng vẫn có tiềm năng phát triển do hầu hết người tiêu dùng Úc chưa quen với hoặc không biết gì về vải, hương vị, cách ăn. Lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu ở người Á đông vốn đã quen và thích trái vải. Thị trường tiêu thụ hiện nay mới chỉ tập trung ở ba thành phố lớn.

Theo kết quả nghiên cứu, người tiêu dùng tiêu thụ vải trong nước hoàn toàn có thể gia tăng đáng kể. Kết quả cụ thể là:

- Hầu hết người tiêu dùng không quen hoặc không nhận biết được quả vải, hương vị, cách chế biến và ăn vải như thế nào;
- Người mua vải chủ yếu là những người có nguồn gốc Châu Á, là

- những người biết và có sở thích ăn vải từ trước;
- Người tiêu dùng có khuynh hướng thích vải có hạt nhỏ hơn và cùi dày hơn (tỷ lệ cùi so với hạt cao hơn).

Gần đây ngành hàng vải đã tiếp cận được số liệu Homescan của AC Nielsen, là nguồn số liệu cho biết khuynh hướng mua và tiêu dùng vải quả:

- Có 11,2% số hộ gia đình mua vải quả;
- Bình quân mỗi hộ chi 6,6 AUD để mua vải quả;
- Mỗi hộ gia đình mua 2 lần mỗi mùa;
- Mỗi lần đi mua vải chỉ 3,3 AUD;
- Hộ gia đình thường chi tiền mua vào dịp Lễ giáng sinh và vào thời gian sau lễ giáng sinh;
- Các cặp vợ chồng đã ổn định và các cặp lớn tuổi mua lượng vải chiếm 40% tổng số vải bán ra.

#### **IV. Giá cả**

Giá vải của Úc tương đối cao. Hiện tại, giá bán tại cổng trang trại là 5,5 đô la Úc/kg và dự kiến đạt 7 đô la Úc/kg vào năm 2017. Giá bán tại các siêu thị lên đến trên dưới 20 đô la Úc/kg. Tuy nhiên, giá cả dao động tùy theo thời điểm thu hoạch:

- Mùa vải đến sớm ở vùng bắc Queensland với nguồn cung hạn chế sẽ làm cho giá cao;
- Khi sản lượng gia tăng ở tất cả các khu vực trồng vải từ bắc cho tới đông nam Queensland giá bắt đầu giảm nhanh chóng và giá thấp nhất rơi vào dịp Giáng sinh và năm mới;
- Giống vải cao cấp hạt nhỏ như FZS và Salathiel luôn được giá cao trong suốt mùa vụ;
- Giá được cải thiện chút ít vào cuối mùa khi khối lượng trên thị trường thấp và vào dịp Tết âm lịch khi lượng cung cho thị trường Á đông tăng mạnh.

#### **V. Hệ thống và quy trình sản xuất và tiếp thị**

##### ***1. Hệ thống và quy trình sản xuất***

Úc có chi phí sản xuất cao so với các nước sản xuất vải khác, mặc dù chưa có thông tin chính thức, chuẩn mực, được thu thập riêng cho nghề trồng vải để làm cơ sở so sánh, đối chiếu. Trong 5 năm qua, chi phí lao động đã gia tăng đáng kể trong nghề làm vườn, là nghề thường sử dụng nhiều lao động.

Vải được hái bằng tay hoặc dùng thang hoặc kệ hay xe thang nâng người để hái quả. Người trồng vải thường có phương tiện đóng gói riêng và hệ thống thu hoạch và bảo quản lạnh của họ nói chung rất tốt.

Mùa thu hoạch vải ở cực Bắc Queensland bắt đầu vào cuối tháng 10 và kết thúc tại Bắc New South Wales vào tháng 2/tháng 3. Vào thời điểm trùng vụ thu hoạch giữa các vùng thì cũng xảy ra tình trạng thừa nguồn cung.

Vải thường phải được bảo quản lạnh, vẫn còn có những điểm chưa tốt trong khâu phối hợp, đặc biệt đối với trường hợp trang trại vải ở nơi quá xa xôi thì người trồng vải không dễ chọn được phương thức vận chuyển, bảo quản phù hợp.

## ***2. Cơ cấu và hệ thống tiếp thị***

### Đóng gói

- Vải để tiêu thụ trong nước được đóng thành hộp có 2 túi, mỗi túi 2,5kg hoặc một túi 5kg và được vận chuyển trong các thùng các-tông có nắp đậy, mỗi thùng 5kg;
- Khi xuất khẩu thì cũng đóng gói tương tự như vậy, tuy nhiên cũng có một số nước yêu cầu đóng vào thùng các-tông loại 2kg;
- Một số người trồng vải, hai nhóm tiếp thị và một số người bán lẻ đã sử dụng cách đóng gói sẵn thành túi cho người tiêu dùng nhằm cải thiện tình trạng vải sau thu hoạch.
- Úc đang nghiên cứu để đưa vào áp dụng một hộp đựng vải có nắp nhựa mới. Hộp này được dùng để hạn chế tình trạng mất nước và giữ cho vỏ có màu đỏ lâu hơn.

### Các chương trình tiếp thị/quảng bá

- Hiện tại đang có một Chiến dịch quảng bá tiếp thị khẩu hiệu được đưa ra là “Live it up with Lychees”. Chương trình này bao gồm:
  - ✓ Phân phối qua các điểm bán lẻ có hệ thống tính tiền tự động.
  - ✓ Tăng cường quan hệ công chúng qua các hoạt động:
    - Thông báo về mùa vụ;
    - Truyền thông với khẩu hiệu ‘Live it up with Lychees’;
    - PR bằng truyền thông kỹ thuật số: Tổ chức cuộc thi dành cho những người viết blog về các món rượu pha và các món ăn chơi từ vải “Lychee Cocktails and Canapes”;

- PR bằng truyền thông kỹ thuật số: Lychee ‘what cocktail are you’ quiz – online quiz.

## **VI. Các qui định thâm nhập thị trường**

Úc là một trong những nước có các qui định về kiểm dịch ngặt nghèo nhất trên thế giới. Úc đã xây dựng khuôn khổ chính sách về an toàn sinh học nhằm bảo vệ nền nông nghiệp trước những rủi ro do côn trùng có hại xâm nhập và phát tán. Tiến trình phân tích rủi ro nhập khẩu (IRA) là một phần quan trọng trong chính sách an toàn sinh học của Úc. Trước khi cân nhắc việc cho phép nhập khẩu một sản phẩm mới, việc phân tích rủi ro nhập khẩu được tiến hành một cách chính thức. Nếu phát hiện có nguy cơ rủi ro, các biện pháp kiểm soát rủi ro sẽ được đề xuất để làm giảm thiểu rủi ro ở mức có thể kiểm soát được, trong trường hợp không thể giảm thiểu nguy cơ rủi ro, sản phẩm mới sẽ không được cấp phép nhập khẩu vào nước Úc.

Trong quá trình phân tích rủi ro nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp Úc sử dụng các chuyên gia về khoa học và kỹ thuật và các tư vấn gia cùng các bên có liên quan để đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm dịch động thực vật. Bộ Nông nghiệp dựa trên báo cáo của các chuyên gia sẽ quyết định việc cấp phép hoặc không cấp phép nhập khẩu và chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

Tại thời điểm hiện tại, Úc chưa chấp nhận cho nhập khẩu bất cứ một loại trái cây tươi nào của Việt Nam vào Úc. Theo quy định của phía Úc, trước khi cho phép nhập khẩu mặt hàng hoa quả tươi phải tiến hành kiểm tra, khảo sát vùng trồng, cơ sở đóng gói, cũng như làm việc với các đơn vị quản lý tại địa phương về các nội dung liên quan đến quản lý dịch hại tại vườn trồng và tiềm năng xuất khẩu sản phẩm.

Hiện nay, Úc mới chuẩn bị cho thí điểm nhập khẩu trái vải sau rất nhiều năm xem xét hồ sơ của Việt Nam, cụ thể tiến trình xin cấp phép nhập khẩu trái vải như sau:

- Ngày 12/9/2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nộp đơn yêu cầu nhập khẩu trái vải tươi của Việt Nam vào Úc;
- Ngày 5/11/2003, phía Việt Nam nộp hồ sơ sửa đổi;
- Ngày 11/9/2008, phía Úc yêu cầu bổ sung, sửa đổi;
- Tháng 10/2010, phía Việt Nam nộp hồ sơ sửa đổi;
- 20/11/2011, phía Úc thông báo chính thức việc thực hiện các phân tích đối với trái vải của Việt Nam;

- Từ ngày 18-20/6/2012, đoàn chuyên gia của Úc đã sang kiểm tra khu vực trồng vải ở Lục Ngạn, Bắc Giang và làm việc với các cơ quan có liên quan.

Đến nay, Úc đã hoàn thành báo cáo kết quả qui trình đánh giá rủi ro đối với trái vải của Việt Nam. Trong báo cáo các chuyên gia đã kết luận rằng trái vải của Việt Nam có thể được phép nhập khẩu vào thị trường Úc với một số điều kiện kiểm dịch nhất định. Bộ Nông nghiệp Úc cũng đang hoàn tất các thủ tục tiếp theo để trái vải Việt Nam sớm được nhập khẩu vào thị trường Úc, bao gồm việc tới Việt Nam để kiểm tra việc thực hiện các điều kiện nhập khẩu đã được thoả thuận.

Báo cáo cuối cùng xác định các loài gây hại đòi hỏi cần phải có các biện pháp kiểm dịch và cũng đề xuất các biện pháp quản lý dịch hại như xử lý khử trùng lạnh, xử lý nhiệt hơi, chiếu xạ, kiểm soát vườn cây... Các biện pháp quản lý rủi ro được đưa ra trong báo cáo sẽ được cân nhắc trong việc soạn thảo các yêu cầu nhập khẩu đối với trái vải Việt Nam và sẽ được công bố công khai.

### ***1. Tóm tắt dự kiến các qui định về nhập khẩu trái vải của Việt Nam***

Dự kiến, các qui định về nhập khẩu trái vải của Việt Nam sẽ bao gồm những qui định chính dưới đây (dựa trên dự thảo qui định nhập khẩu trái vải của Việt Nam). Cục Bảo vệ thực vật sẽ hướng dẫn các doanh nghiệp cụ thể sau khi Úc chấp nhận cho nhập khẩu trái vải của Việt Nam.

#### **(i). Kiểm dịch các sinh vật gây hại**

Các sinh vật gây hại cần kiểm dịch trong vải tươi nhập khẩu từ Việt Nam, được xác định trong báo cáo cuối cùng nêu trên, cần phải có các biện pháp quản lý rủi ro.

Nếu trong khu vực trồng vải phát hiện thấy có sinh vật gây hại ngoại lai hoặc sâu bệnh thuộc đối tượng kiểm dịch của Úc thì Cục Bảo vệ thực vật phải thông báo ngay cho Bộ Nông nghiệp Úc.

### **Danh sách các sinh vật có hại cần áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro**

| <b>Sinh vật gây hại</b>           | <b>Tên thường gọi</b> |
|-----------------------------------|-----------------------|
| <b>Ruồi giấm (Diptera)</b>        |                       |
| <i>Bactrocera cucurbitae</i>      | Ruồi dưa hấu          |
| <i>Bactrocera dorsalis</i>        | Ruồi phương đông      |
| <b>Ruồi đục quả (Lepidoptera)</b> |                       |

|                             |                    |
|-----------------------------|--------------------|
| Conopomorpha sinensis       | Ruồi đục quả       |
| <b>Rệp sáp (Hemiptera)</b>  |                    |
| Dysmicoccus lepelleyi       | Sâu lepelleyi      |
| Paracoccus interceptus      | Sâu interceptus    |
| Paracoccus lilacinus        | Sâu cà phê         |
| Paracoccus litchi           | Sâu vải            |
| Paracoccus minor*           | Sâu lạc tiên       |
| Pseudococcus cryptus        | Sâu Citriculus     |
| Pseudococcus jackbeardsleyi | Sâu Jack Beradsley |
| * Có nguồn gốc từ Tây Úc    |                    |

## (ii). Đăng ký các vườn trồng vải xuất khẩu

Các vườn trồng vải xuất khẩu sang Úc phải được đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật trước thời điểm bắt đầu mùa vụ.

Việc đăng ký các vườn trồng là yêu bắt buộc để kiểm soát ruồi đục quả và phải chịu sự kiểm tra theo chương trình kiểm tra của Cục Bảo vệ thực vật. Danh sách các vườn đăng ký phải được gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc trước thời điểm bắt đầu mỗi mùa vụ xuất khẩu.

Mỗi vườn trồng vải được cấp một mã nhận dạng riêng nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc trong trường hợp phát hiện thấy có sinh vật gây hại còn sống trước khi xuất khẩu hoặc sau khi kiểm tra hàng tại cửa khẩu đến.

## (iii). Đăng ký các cơ sở xử lý và đóng gói và các quy trình kiểm tra

Tất cả các khu vực xử lý và đóng gói phải được vệ sinh thường xuyên (hàng ngày phải dọn sạch trái cây bị hỏng, thâm, nám, nhiễm sâu bệnh). Tại các địa điểm này phải có lưới chắn để sinh vật gây hại từ bên ngoài không thể xâm nhập vào bên trong hoặc không thể thâm nhập từ khu vực chưa xử lý sang khu vực đã được xử lý. Trái cây phải được đảm bảo an toàn trong suốt quá trình vận chuyển từ các vườn trồng đến cơ sở xử lý, đóng gói cũng như khi trái cây được bảo quản tại các cơ sở xử lý này.

Các thiết bị xử lý và đóng gói phải có hệ thống lưu trữ dữ liệu hay các bản ghi để có thể truy xuất nguồn gốc lô hàng được xử lý, đóng gói, kể cả quá trình vận chuyển từ khi được đưa đến các cơ sở xử lý, đóng gói cho đến khi xuất khẩu.

Tất cả các cơ sở xử lý và đóng gói vải xuất khẩu sang Úc cần phải được đăng ký, kiểm tra và thông qua bởi Cục Bảo vệ thực vật trước khi bắt

đầu mỗi vụ thu hoạch. Danh sách các cơ sở đăng ký phải được gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc. Danh sách này phải được Cục Bảo vệ thực vật cập nhật thường xuyên.

Cục Bảo vệ thực vật hoặc một cơ quan có thẩm quyền khác chịu trách nhiệm kiểm tra các cơ sở xử lý và đóng gói vào mỗi đầu mùa vụ và có thể kiểm tra giữa mùa vụ nếu thấy cần thiết, nhằm đảm bảo các cơ sở xử lý và đóng gói được trang bị đầy đủ và hệ thống có thể đáp ứng được các yêu cầu kiểm dịch thực vật của Úc. Việc kiểm tra bao gồm các yêu cầu về đăng ký, các yêu cầu đối với người trồng, quy trình xử lý, đóng gói, đảm bảo an toàn cho trái vải, lưu giữ và tiến hành các biện pháp kiểm dịch. Khi có yêu cầu, các báo cáo kiểm tra của Cục Bảo vệ thực vật phải được gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc.

Các cơ sở xử lý và đóng gói sẽ được yêu cầu xác định từng vườn trồng, cùng với hệ thống số và việc xác định quả vải từ vườn trồng nào, bằng việc đánh dấu mã số đăng ký của mỗi vườn trồng lên thùng các-tông đựng hàng hoặc giá đỡ khối hàng.

Việc xử lý lạnh (CT), xử lý nhiệt hơi (VHT) hoặc chiếu xạ (IT) để diệt/khử ruồi giấm, ruồi đục quả và/hoặc rệp sáp chỉ được thực hiện với các thiết bị xử lý/đóng gói đã được đăng ký.

Khi áp dụng biện pháp kiểm soát vườn trồng, việc kiểm tra để xác nhận không có ruồi đục quả trước khi xuất khẩu phải được thực hiện tại cơ sở xử lý và đóng gói đã được đăng ký.

#### (iv). Xác nhận và kiểm tra của Bộ Nông nghiệp Úc

Trước mùa xuất khẩu đầu tiên hoặc trong quá trình xuất khẩu, nếu thấy cần thiết, đại diện của Bộ Nông nghiệp Úc có thể đến khu vực xuất khẩu được chỉ định để kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện nhập khẩu và các biện pháp kiểm dịch thực vật, bao gồm kiểm soát sinh vật có hại, các quy trình đăng ký và vận hành. Các nhân viên Bộ Nông nghiệp Úc cũng có thể sẽ kiểm tra các cơ sở xử lý trước khi xuất khẩu như xử lý lạnh (CT), xử lý nhiệt hơi (VHT) hoặc chiếu xạ (IT).

Một khi bắt đầu có giao dịch thương mại, Bộ Nông nghiệp Úc sẽ kiểm tra hệ thống kiểm dịch thực vật đối với sản xuất vải tươi xuất khẩu, chứng nhận vườn trồng xuất khẩu, kiểm tra và xác nhận trước khi xuất khẩu. Việc kiểm tra này có thể diễn ra tại bất kỳ thời điểm nào của chu trình sản xuất.

Việc kiểm tra của Bộ Nông nghiệp Úc đối với các cơ sở xử lý và đóng gói sẽ bao gồm xác nhận việc tuân thủ các quy định của các cơ sở xử

lý và đóng gói, khả năng truy xuất nguồn gốc, dán nhãn, cách ly hàng hóa và an toàn cho trái vải.

#### (v). Xử lý lạnh trước khi xuất khẩu/trong quá trình vận chuyển

Nếu phía Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý lạnh để diệt ruồi giấm hoặc diệt cả ruồi giấm và ruồi đục quả thì phải tiến hành trên vải tươi theo các tiêu chuẩn tương ứng như sau:

- Nếu chỉ diệt ruồi giấm:
  - Từ  $0,99^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 15 ngày, hoặc
  - Từ  $1,38^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 18 ngày.
- Diệt cả ruồi giấm và ruồi đục quả:
  - Từ  $0,99^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 17 ngày, hoặc
  - Từ  $1,38^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 20 ngày.

Xử lý lạnh trước khi xuất khẩu: Nếu lô hàng được xử lý lạnh trước khi xuất khẩu, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo việc tuân thủ quy định nêu tại Phụ lục 1.

Xử lý lạnh đối với lô hàng trong quá trình vận chuyển: Nếu lô hàng được xử lý lạnh trong quá trình vận chuyển, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo việc tuân thủ quy định nêu tại Phụ lục 2.

#### (vi). Kiểm soát vườn trồng đối với ruồi đục quả

Thay vì kéo dài việc xử lý lạnh đối với cả ruồi giấm và ruồi đục quả, phía Việt Nam có thể lựa chọn thực hiện việc kiểm soát vườn trồng và kiểm tra ngẫu nhiên đối với ruồi đục quả, kết hợp với biện pháp xử lý nhiệt hơi (VHT) hoặc xử lý lạnh đối với các loại ruồi giấm (Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

Thông tin về Chương trình kiểm soát vườn trồng đối với ruồi đục quả được Cục Bảo vệ thực vật phê duyệt phải được gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc khi được yêu cầu.

Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo việc tuân thủ quy định nêu tại Phụ lục 3.

#### (vii). Xử lý nhiệt hơi (VHT) trước khi xuất khẩu

Việc áp dụng biện pháp xử lý nhiệt hơi để giảm thiểu rủi ro về ruồi giấm chỉ được chấp nhận nếu các biện pháp khác như các biện pháp kiểm soát vườn trồng nhằm kiểm soát ruồi đục quả đã được áp dụng.



Nếu phía Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý nhiệt hơi để diệt ruồi giấm thì phải xử lý trái vải tươi ở nhiệt độ:

- Từ 47<sup>0</sup>C trở lên (nhiệt độ bên trong trái cây) trong vòng 15 phút, hoặc:
- Từ 46<sup>0</sup>C trở lên (nhiệt độ bên trong trái cây) trong vòng 20 phút.

Cục Bảo vệ thực vật phải tiến hành kiểm tra để đảm bảo việc tuân thủ quy định nêu tại Phụ lục 4.

Quản lý các cơ sở xử lý nhiệt hơi cần phải cung cấp cho Cục Bảo vệ thực vật chi tiết về hệ thống đang được vận hành để đảm bảo việc tách riêng, cách ly trái vải khỏi các loại trái cây khác trong suốt quá trình xử lý, đóng gói, bảo quản và vận chuyển trước khi xuất khẩu. Hệ thống này phải được Cục Bảo vệ thực vật phê chuẩn.

#### (vii). Xử lý chiếu xạ trước xuất khẩu (IT)

Nếu phía Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý chiếu xạ để diệt ruồi giấm, ruồi đục quả hoặc rệp sáp thì cần áp dụng liều/cường độ tia chiếu tối thiểu để giảm thiểu rủi ro trên cơ sở các quy định kiểm dịch của phía Việt Nam, cụ thể là:

- Tia chiếu có cường độ là 150 Gy để diệt ruồi giấm (*Bactrocera cucurbitae* và *Bactrocera dorsalis*);
- Tia chiếu có cường độ là 400 Gy để diệt ruồi đục quả (*Conopomorpha sinensis*) và rệp sáp (*Dysmicoccus lepelleyi*, *Paracoccus interceptus*, *Paracoccus lilacinus*, *Paracoccus litchi*, *Paracoccus minor*, *Pseudococcus cryptus*, *Pseudococcus jackbeardsleyi*).

Cục Bảo vệ thực vật phải tiến hành kiểm tra cơ sở chiếu xạ để đảm bảo tuân thủ quy định nêu tại Phụ lục 5.

Bộ Nông nghiệp Úc sẽ yêu cầu tiến hành kiểm tra đối với hệ thống/quy trình chiếu xạ trước khi xuất khẩu.

#### (ix). Đóng gói và dán nhãn

Nhằm ngăn chặn nguy cơ lây nhiễm từ hoa quả tiêu dùng trong nước hoặc để xuất khẩu sang các thị trường khác sang hoa quả xuất khẩu sang Úc, các thiết bị xử lý trong cơ sở đóng gói phải được làm vệ sinh đúng cách trước khi bắt đầu xử lý trái cây để xuất khẩu sang Úc.

Khi trái cây xuất khẩu đi Úc được lấy ra khỏi kho lạnh để xử lý thì những quả dập, hỏng, trầy xước phải được loại ra ngay trong các công đoạn đầu của quy trình xử lý (như làm sạch, phân loại, đánh giá).

Tất cả các thùng đựng vải xuất khẩu đi Úc không được nhiễm sinh vật gây hại và dính các loại thực vật (như rác, hạt cây). Rác bao gồm đất, mảnh vụn, cành cây, lá và các loại thực vật khác.

Phải sử dụng bao bì an toàn khi bảo quản trong kho và khi vận chuyển trái cây xuất khẩu sang Úc và phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu chung của Úc đối với vải tươi.

Trái cây đã được kiểm tra và xử lý phải được đóng trong các thùng các-tông mới.

Bao bì đóng gói phải làm bằng vật liệu tổng hợp hoặc đã qua xử lý ở mức độ cao nếu được làm bằng vật liệu thực vật. Bao bì đóng gói làm bằng vật liệu thực vật chưa qua xử lý (như rơm) thì không được phép sử dụng.

Bao bì đóng gói làm bằng gỗ phải tuân theo các tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Úc.

Tất cả các thùng các-tông phải được dán nhãn, có ghi mã số vườn trồng (nếu áp dụng biện pháp kiểm soát vườn trồng) và mã số hoặc tên của cơ sở xử lý và đóng gói nhằm truy xuất nguồn gốc khi cần. Ngoài ra, có thể cần phải có tem hoặc con dấu của Cục Bảo vệ thực vật, được dán hoặc đóng lên từng thùng hàng đã được chiếu xạ. Tình trạng kiểm dịch thực vật của trái cây phải được nhận biết rõ ràng.

Mỗi một giá đỡ khối hàng được xác định bằng việc cài/gắn một thẻ đã được đánh số để truy xuất nguồn gốc vườn trồng đã đăng ký. Các giá đỡ khối hàng chỉ được đóng đai an toàn sau khi đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch thực vật.

Tình trạng kiểm dịch của trái cây phải được duy trì ở tất cả các khâu như đóng gói, xử lý, bảo quản trong kho và vận chuyển.

Thông tin dưới đây cần được in lên mỗi kiện hàng:

*Sản phẩm của Việt Nam;*  
*Tên công ty xuất khẩu (nhãn hiệu thương mại);*  
*Loại trái cây;*  
*Giống;*  
*Số lô hàng;*

*Ngày đóng gói;  
Nước đến.*

(x). Bảo quản ở kho hàng

Trái cây đã và đang đóng gói phải được bảo vệ tránh lây nhiễm sinh vật gây hại trong quá trình đóng gói và sau khi đóng gói, trong khi để ở kho hàng và trong khi vận chuyển giữa các địa điểm (ví dụ từ nơi đóng gói đến kho lạnh, đến nơi kiểm tra, nơi tập kết hàng để xuất khẩu...).

Trái cây xuất khẩu sang Úc, đã được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và chứng nhận, hoặc đã được xử lý, cần phải được đảm bảo an toàn nhằm tránh lẫn với các loại trái cây xuất khẩu đi các nước khác hoặc để tiêu thụ trong nước và phải được bảo quản ở trong kho cho đến khi được xuất khẩu. Việc này có thể được thực hiện bằng cách để riêng hoặc cách ly trái cây được xuất khẩu sang Úc ở kho riêng, được che phủ và cách ly cơ học với các loại trái cây khác (cách ít nhất 1 mét trong môi trường nhiệt độ bình thường hoặc cách 10cm trong phòng lạnh), ngăn cách bằng lưới hoặc giá đỡ được quấn/bọc bằng nhựa, hoặc bằng cách để các thùng các-tông đã được niêm phong trong kho lạnh ở nhiệt độ thấp trước khi được xếp/chuyển lên các công-te-nơ.

Theo cách khác, trái cây đã đóng gói có thể được vận chuyển trực tiếp từ nơi đóng gói đến thẳng các công-te-nơ đã được chỉ định, các công-te-nơ này sau đó được niêm phong và không được mở, cho đến khi hàng tới Úc.

Hàng hóa phải được đảm bảo an toàn cho đến khi được cơ quan kiểm dịch Úc cho phép giải phóng hàng.

(xi). Việc kiểm tra kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu của Cục bảo vệ thực vật

Cục Bảo vệ thực vật sẽ kiểm tra tất cả các lô hàng để phát hiện sinh vật, hoặc các chất ô nhiễm có thể phát hiện được bằng mắt thường như rác. Rác bao gồm đất, mảnh vụn, cành lá và các vật liệu thực vật khác, trừ cuống trái vải. Trái vải bị tách rời phải được kiểm tra kỹ.

Trái cây phải được lấy mẫu sao cho có thể đảm bảo với khoảng tin cậy là 95% thì tỷ lệ hàng hóa bị nhiễm không vượt quá 0,5%. Cụ thể lấy mẫu kiểm tra là 600 quả vải cho mỗi một lô có trên 1.000 quả; 450 quả cho mỗi lô không quá 1.000 quả, hoặc bằng một cách thức tương đương.

Kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu phải được tiến hành trước hoặc sau khi xử lý tùy thuộc vào cách thức xử lý được áp dụng:

#### A. Xử lý trước khi xuất khẩu:

Đối với những lô hàng đã được xử lý nhiệt hơi hoặc xử lý lạnh trước khi xuất khẩu thì quy trình kiểm tra phải được thực hiện sau khi xử lý. Các quy trình xử lý phải đảm bảo trái vải tươi sạch và không có ruồi giấm, rệp sáp, ruồi đục quả, các sinh vật gây hại khác còn sống, là đối tượng của kiểm dịch Úc và không bị lẫn các loại thực vật (ví dụ rác và các hạt lẫn vào). Rác bao gồm đất, mảnh vụn, cành cây, lá và các loại thực vật khác.

Khi đã áp dụng các biện pháp kiểm soát vườn trồng, phải đảm bảo là các lô hàng không còn có ruồi đục quả còn sống.

Hoặc:

#### B. Xử lý lạnh trong quá trình vận chuyển:

Đối với các lô hàng sẽ được xử lý lạnh trong quá trình vận chuyển, các quy trình xử lý phải đảm bảo sao cho trái vải tươi sạch và không có rệp sáp, các sinh vật gây hại khác còn sống, thuộc đối tượng kiểm dịch của Úc và không bị lẫn các loại thực vật (ví dụ như rác và các loại hạt lẫn vào). Rác bao gồm đất, mảnh vụn, cành cây, lá và các loại thực vật khác.

Khi các biện pháp kiểm soát vườn trồng đã được áp dụng, phải đảm bảo rằng các lô hàng không còn có ruồi đục quả còn sống.

Hoặc:

#### C. Xử lý chiếu xạ:

Đối với các lô hàng được xử lý bằng phương pháp chiếu xạ, việc kiểm tra phải được thực hiện trước khi việc xử lý diễn ra. Bất kỳ loại sinh vật gây hại nào được phát hiện trong lô hàng phải được ghi lại và thể hiện trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế. Các quy trình kiểm tra phải đảm bảo trái vải tươi sạch và không còn có sinh vật gây hại thuộc đối tượng của kiểm dịch Úc, mà các sinh vật này không bị tiêu diệt ở liều chiếu xạ 400Gy và không bị lẫn các loại thực vật khác (ví dụ như rác và các loại hạt lẫn vào). Rác bao gồm đất, mảnh vụn, cành cây, lá và các loại thực vật khác.

Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm lưu giữ các bản ghi trong các cuộc kiểm tra (sinh vật gây hại còn sống hoặc đã chết và rác) và phải cung cấp những thông tin này cho Bộ Nông nghiệp Úc khi có yêu cầu.

Các lô hàng không đáp ứng các yêu cầu nêu trên sẽ bị Cục Bảo vệ thực vật từ chối cấp phép xuất khẩu sang Úc.

(xii). Chứng nhận kiểm dịch thực vật của Cục bảo vệ thực vật

Tất cả các lô hàng phải được kiểm tra theo đúng các quy trình chính thức để phát hiện trực quan các loại sinh vật gây hại theo tỷ lệ mẫu chuẩn của Chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế (IPC).

Mỗi một lô hàng vải tươi đảm bảo chất lượng được dán Chứng nhận kiểm dịch quốc tế ở bên ngoài bao bì khi hàng tới Úc.

Cục Bảo vệ thực vật là cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch quốc tế cho mỗi lô hàng sau khi đã qua kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu.

Mỗi một Giấy chứng nhận kiểm dịch quốc tế bao gồm:

- Mô tả lô hàng (bao gồm mã số đăng ký của vườn trồng hoặc mã tra cứu và thông tin chi tiết về thiết bị đóng gói);
- Thông tin chi tiết về việc xử lý khử trùng (ví dụ như nhiệt hơi, chiếu xạ hoặc xử lý lạnh trước khi xếp hàng lên tàu/vận chuyển), trong đó gồm thông tin về ngày tháng, nhiệt độ, liều lượng xử lý, khoảng thời gian, và/hoặc chứng nhận xử lý (thích hợp).

Cần có thêm các thông báo như sau:

- *“Trái cây thuộc lô hàng này được sản xuất tại Việt Nam theo các điều kiện nhập khẩu của chính phủ Úc đối với trái vải tươi và đã được kiểm tra và được xác định là không có sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch”*

Và (nếu có thể thì thông báo):

- *“Trái cây thuộc lô hàng này đã được kiểm tra trước khi xử lý chiếu xạ và đã phát hiện ra các loại sinh vật gây hại/ các loại sinh vật gây hại còn sống cụ thể như sau (Chi tiết kết quả kiểm tra sinh vật gây hại) và trái vải đã được xử lý chiếu xạ với cường độ tia chiếu ở mức tối thiểu (liều tia chiếu)”*.
- Đối với các lô hàng thuộc diện xử lý trong quá trình vận chuyển phải thì phải có thêm nội dung: *“hàng được xử lý lạnh trong quá trình vận chuyển”*

Mã số đăng ký vườn trồng, mã số đăng ký cơ sở đóng gói, số lượng thùng các-tông trong mỗi lô hàng và số của công-te-nơ và số niêm phong

(nếu đi đường biển) phải được thể hiện trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế (IPC).

Thông tin chi tiết liên quan đến việc xử lý lạnh, nhiệt hơi hoặc chiếu xạ (nhiệt độ, khoảng thời gian, liều lượng xử lý và mã số cơ sở đóng gói/xử lý) phải được thể hiện trong mục “xử lý” của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế.

Nếu đã áp dụng các biện pháp quản lý vườn trồng đối với ruồi đục quả thì phải thể hiện trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế.

*“Trái cây thuộc lô hàng này đã được áp dụng biện pháp quản lý vườn trồng đối với ruồi đục quả theo các điều kiện nhập khẩu của chính phủ Úc đối với trái vải tươi”.*

Một lô hàng vận chuyển trực tiếp bằng đường hàng không hoặc đường biển từ một cảng của hoặc một tỉnh thành phố của Việt Nam tới một cảng hoặc một thành phố đã được xác định tại Úc hoặc được trung chuyển phải được đóng trong các công-te-nơ đã được niêm phong.

(xiii). Hoàn thành thủ tục kiểm dịch thực vật tại nơi đến và kiểm tra kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp Úc

Khi hàng đến cảng đầu tiên của Úc, Bộ Nông nghiệp Úc sẽ tiến hành kiểm tra từng lô hàng đồng thời kiểm tra các Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế gốc của lô hàng và các chứng từ, giấy tờ liên quan trước khi cho phép giải phóng hàng.

Các nhân viên của Bộ Nông nghiệp Úc sẽ tiến hành kiểm tra đối với rệp sáp, ruồi đục quả, ruồi giấm và các loại sinh vật gây hại khác thuộc đối tượng của kiểm dịch Úc cũng như các chất gây ô nhiễm.

Nếu các lô hàng bị phát hiện không đáp ứng các quy định kiểm dịch của Úc thì nhà nhập khẩu sẽ được phép áp dụng các biện pháp xử lý tại chỗ (nếu các biện pháp xử lý đó là phù hợp với việc diệt trừ các sinh vật gây hại đã được phát hiện) hoặc tái xuất hoặc tiêu hủy lô hàng.

Nếu phát hiện có các sinh vật gây hại còn sống trong lô hàng vải tươi thì Bộ Nông nghiệp Úc có thể đình chỉ không chấp nhận đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý và các cơ sở đóng gói và yêu cầu Cục Bảo vệ thực vật tiến hành điều tra và áp dụng các biện pháp khắc phục.

Bộ Nông nghiệp Úc có quyền tiến hành kiểm tra hệ thống quản lý rủi ro đối với trái vải của Việt Nam nhằm đảm bảo các biện pháp khắc phục đã được thực hiện trước khi cho phép thương mại mặt hàng này tiếp tục.

Nếu phát hiện một sinh vật nào đó ở trái vải tươi từ Việt Nam nhưng Báo cáo cuối cùng (“Báo cáo phân tích chính sách đối với trái vải tươi của Đài Loan và Việt Nam”) lại chưa có đánh giá về sinh vật đó thì cần phải tiến hành đánh giá để xác định tình trạng kiểm dịch đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm dịch nếu thấy cần.

Nếu phát hiện một sinh vật gây hại nào đó gây quan ngại ở góc độ kiểm dịch, nhưng chưa được nêu trong Báo cáo cuối cùng thì có thể phải tiến hành rà soát lại thương mại mặt hàng này nhằm đảm bảo rằng các biện pháp hiện đang được áp dụng vẫn cho phép Úc duy trì hàng rào bảo vệ bằng biện pháp kiểm dịch ở mức độ phù hợp.

#### (xiv). Rà soát, đánh giá chính sách

Bộ Nông nghiệp Úc có quyền rà soát, đánh giá lại chính sách nhập khẩu bất cứ khi nào sau khi giao dịch thương đã được bắt đầu hoặc khi xét thấy có lý do để tin rằng tình trạng kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu đã thay đổi.

Các biện pháp khác về kiểm dịch thực vật hoặc xử lý, nếu có hiệu quả trong việc diệt trừ sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch, đã được Bộ Nông nghiệp Úc đánh giá là giúp duy trì bảo vệ an toàn sinh học ở mức độ tương đương, có thể được thông qua là biện pháp bổ sung trong thời gian diễn ra thương mại mặt hàng này.

#### (xv). Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp Úc

Bộ Nông nghiệp Úc có quyền kiểm tra các quy trình tại Việt Nam vào bất kỳ thời gian nào.

### ***3. Tham khảo qui định của Úc đối với trái vải nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan và Nam Phi:***

Qui định đối với vải nhập khẩu từ Trung Quốc xem tại website:  
[http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex\\_casecontent.asp?intNodeId=8945911&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0](http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex_casecontent.asp?intNodeId=8945911&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0)

Qui định đối với vải nhập khẩu từ Thái Lan xem tại website:  
[http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex\\_casecontent.asp?intNodeId=8986835&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0](http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex_casecontent.asp?intNodeId=8986835&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0)

Qui định đối với vải nhập khẩu từ Đài Loan xem tại website:

[http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex\\_casecontent.asp?intNodeId=9028060  
&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&i  
ntSearch=1&LogSessionID=0](http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex_casecontent.asp?intNodeId=9028060&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0)

Qui định đối với vải nhập khẩu từ Nam Phi xem tại website:  
[http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex\\_casecontent.asp?intNodeId=8941855  
&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&i  
ntSearch=1&LogSessionID=0](http://apps.daff.gov.au/icon32/asp/ex_casecontent.asp?intNodeId=8941855&intCommodityId=6236&Types=none&WhichQuery=Go+to+full+text&intSearch=1&LogSessionID=0)



## **CHƯƠNG IV**

### **CÁC GIẢI PHÁP XÚC TIẾN XUẤT KHẨU TRÁI VẢI CỦA VIỆT NAM VÀO ÚC**

Như vậy, có thể thấy nhu cầu tiêu thụ đối với quả vải thiều của Việt Nam tại một số khu vực thị trường trên thế giới là không nhỏ tuy nhiên để đáp ứng các quy định về rào cản thương mại và rào cản kỹ thuật của các nước nhập khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu, hộ sản xuất vải thiều ngoài việc ứng dụng những tiến bộ trong sản xuất đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap cần có biện pháp để bảo quản quả vải nhằm duy trì chất lượng, hình thức của quả vải tươi sau thu hoạch đặc biệt là cần cải tiến và nâng cao hình thức bao bì, đóng gói quả vải để phù hợp với từng thị trường cụ thể. Ngoài ra, cách thức tiếp cận và tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại hiệu quả nhằm đưa quả vải thiều Việt Nam thâm nhập thành công vào hệ thống tiêu thụ của thị trường nhập khẩu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu mặt hàng vải thiều.

Riêng đối với thị trường Úc, là thị trường 23 triệu dân nhưng mới chỉ có 11,2% hộ gia đình ăn vải và chủ yếu là dân Á đông, thị trường tiêu thụ mới chỉ tập trung ở ba thành phố lớn, do vậy thị trường vẫn còn nhiều cơ hội để mở rộng.

Mặc dù Úc là nước trồng vải và đang có kế hoạch thúc đẩy xuất khẩu vải của Úc đi các nước trên thế giới, tuy nhiên, do mùa vải của Úc trái với mùa vải của Việt Nam nên vải Việt Nam hoàn toàn có khả năng tiêu thụ tại thị trường Úc, mặc dù sẽ phải cạnh tranh với vải của Trung Quốc và Thái Lan đã có mặt tại thị trường Úc từ năm 2005 và sắp tới là Đài Loan vừa được cấp phép nhập khẩu.

Vải của Úc có chi phí sản xuất cao chủ yếu do chi phí lao động trong ngành trồng trọt thâm canh đã tăng đáng kể trong vòng năm năm qua. Giá tại trang trại hiện tại khoảng 5,5 AUD nhưng được kỳ vọng sẽ tăng lên 7 AUD vào năm 2017 nên vải Việt Nam có cơ hội cạnh tranh về giá.

Vấn đề đặt ra là để xuất khẩu trái vải sang Úc, Việt Nam cần có nguồn cung ổn định, chất lượng đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, và sẽ phải vượt qua các qui trình về vệ sinh kiểm dịch khá là ngặt nghèo của Úc.

Dưới đây là một số giải pháp xúc tiến xuất khẩu trái vải của Việt Nam vào Úc:

#### **I. Đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Úc**

Để xuất khẩu được trái vải tươi sang Úc, việc chuẩn bị từ vùng

nguyên liệu sản xuất đến sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn của Úc cần được thực hiện một cách nghiêm túc. Các cơ quan chức năng cần hướng dẫn người trồng vải tuân thủ quy trình an toàn như VietGAP và cao hơn nữa là GlobalGAP. Cần thu hút, khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia đầu tư dây chuyền công nghệ xử lý, bao gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm.

Việc phát triển thương hiệu và đăng ký bảo hộ địa danh cho vải thiều của Việt Nam cũng cần được tiến hành do người tiêu dùng của Úc ngày càng chú ý hơn tới sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng. Bên cạnh đó, phương pháp để cung cấp sản phẩm được sản xuất một cách có trách nhiệm với môi trường và xã hội cũng cần được tuân thủ.

## **II. Tiếp cận phương pháp bảo quản mới để mở rộng thị trường xuất khẩu**

Sản lượng lớn, chất lượng tốt song khâu bảo quản và tiêu thụ quả tươi vẫn đang là một thách thức đối với người trồng vải. Việc tìm kiếm, ứng dụng công nghệ bảo quản sẽ mở ra cơ hội cho vải thiều Việt Nam thâm nhập các thị trường "khó tính", tăng giá trị và hiệu quả kinh tế.

### **1. Công nghệ CAS**

Năm 2013, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Viện Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học và Công nghệ) nghiên cứu, áp dụng công nghệ CAS (công nghệ của Nhật Bản) vào bảo quản quả vải tươi. Kết quả ban đầu cho thấy, vải thiều có thể bảo quản được hơn một năm với chất lượng tốt. Bước thử nghiệm tiếp tục được thực hiện trong vụ vải thiều năm 2014. Ngày 20/6/2014, 10 tấn vải thiều Lục Ngạn bảo quản bằng CAS thành công đã được xuất sang Nhật Bản.

CAS (Cells Alive System) hay "hệ thống tế bào còn sống" là công nghệ lạnh đông nhanh với chức năng CAS. CAS được sử dụng để bảo quản hải sản, nông sản và thực phẩm. Các sản phẩm được bảo quản bằng công nghệ CAS sau một thời gian nhất định (từ một đến nhiều năm) sau khi đã đông vẫn giữ được độ tươi nguyên như vừa mới thu hoạch, giữ được cấu trúc mô tế bào, màu sắc, hương vị, chất lượng sản phẩm.

Nguyên lý cơ bản của công nghệ CAS là sự kết hợp giữa quá trình đông lạnh nhanh (-30 đến -60°C) và dao động từ trường (50 Hz đến 5 MHz). Sự khác biệt của công nghệ CAS với các công nghệ đông lạnh thông thường đó là sự cùng tác động của từ trường và quá trình đông lạnh nhanh đã làm cho nước (nước tự do và nước liên kết) trong tế bào sống đóng băng ở chỉ một số rất ít phân tử, nên không phá vỡ cấu trúc tế bào và cũng không làm biến tính các hợp chất sinh học (như protid, vitamin).

Chính điều đó và một số tác động khác của CAS đối với tế bào sống đã làm cho sản phẩm được bảo quản bằng công nghệ CAS giữ nguyên được chất lượng sau một thời gian dài (ít nhất một năm đến nhiều năm, tùy mục đích, như gạo có thể bảo quản được hơn 10 năm).

Phía Nhật Bản sẵn sàng chuyển giao công nghệ này cho Việt Nam, chậm nhất là vào năm 2015. Đây là cơ hội, cũng là thách thức cho vải thiều Việt Nam bởi tiêu chuẩn quả vải vào các thị trường Nhật Bản, Úc, Mỹ, châu Âu phải bảo đảm sạch từ giống, chăm sóc, thu hái, và bảo quản.

Để đáp ứng tiêu chuẩn thu mua phục vụ bảo quản bằng CAS, vườn vải thiều của các hộ gia đình phải bảo đảm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Bởi khi sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quả vải chín đều, có màu đỏ tươi, cùi dày, hạt nhỏ, ít sâu bệnh và quan trọng hơn việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải đúng quy trình...

Hiện nay, diện tích vải áp dụng theo tiêu chuẩn VietGap tại Việt Nam khoảng 7.532 ha, sản lượng đạt khoảng 35.260 tấn.

Tuy nhiên, phương pháp bảo quản này giá thành cao nên tính cạnh tranh trên thị trường với các sản phẩm của các nước khác trong khu vực sẽ bị hạn chế.

## ***2. Công nghệ mới của Juran – Israel***

Nhằm kéo dài thời gian bảo quản vải tươi để có thể vận chuyển đi xa tiêu thụ, mới đây công ty Juran Technology (Israel) đã tổ chức Hội thảo giới thiệu các công nghệ tiên tiến mới của Juran – Israel về dây chuyền bảo quản sau thu hoạch cho các loại quả như vải thiều, dâu tây, bơ, lựu... đặc biệt là dây chuyền xử lý quả vải không xông SO<sub>2</sub> và phân loại theo kích thước của quả vải.

Với thiết kế đơn giản, quy trình xử lý gồm bốn bước cơ bản: Xử lý nước lạnh, xử lý nước nóng, xử lý bằng HCL loãng và làm khô. Đây là hệ thống xử lý giữ nguyên màu đỏ tự nhiên của vỏ quả, hương vị thơm ngon của cùi vải. Công nghệ Juran giữ màu đỏ “ruby”, loại bỏ hiện tượng nâu hóa sau ba ngày, quả vải có thể giữ màu đỏ tươi trong 4- 5 tuần, kéo dài thời gian cho sản phẩm.

Dây chuyền bảo quản được thiết kế linh hoạt, công suất 1-70 tấn/giờ, hệ thống phân loại kích thước quả tự động phân chia làm 5 nhóm kích thước. Dây chuyền đạt hiệu quả cao trong phân loại và sàng lọc đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

Công nghệ này đã được chế tạo, thử nghiệm, kiểm chứng của Bộ Nông nghiệp Isarel và được cấp bằng sáng chế tại Hoa Kỳ năm 2000.

Trước mắt, dễ nhận thấy, một số công nghệ có tính khả thi cao trong việc áp dụng tại Việt Nam để xuất khẩu trái vải đi các thị trường lớn. Tuy nhiên cũng cần quan tâm nghiên cứu, tính toán chi phí, giá thành sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, cần phải tìm hiểu, kết nối, có chính sách hỗ trợ phù hợp cho các doanh nghiệp khi đầu tư công nghệ.

### **III. Thông tin tuyên truyền về trái vải của Việt Nam**

Để chuẩn bị cho trái vải tươi của Việt Nam nhanh chóng đi vào thị trường Úc ngay sau khi được cấp phép, cần xây dựng một bộ thông tin chuẩn về trái vải Việt Nam, lựa chọn một số vườn quả đáp ứng được tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Úc để quảng bá. Đồng thời, trên cơ sở bộ thông tin chuẩn nói trên, thiết kế và in ấn tờ rơi phát cho các doanh nghiệp nhập khẩu, phát trực tiếp cho người tiêu dùng tại các chợ Á đông và các siêu thị lớn của Úc tại các thành phố lớn.

Việc xây dựng phim ngắn để quảng bá trên một số kênh thông tin, tuyên truyền cũng hết sức cần thiết.

### **IV. Vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”**

Hiện nay, ở Úc có hơn 300.000 Việt kiều, chưa kể cán bộ, lưu học sinh, sinh viên Việt Nam đang làm việc và học tập. Trong số các doanh nhân Việt kiều, nhiều người là chủ các nhà hàng, siêu thị và kinh doanh rất thành công trên nước Úc. Nếu như chúng ta phối hợp với Hội doanh nhân Việt kiều Úc châu tổ chức vận động các doanh nghiệp Việt kiều “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm trước mắt là vận động các doanh nghiệp Việt kiều đưa trái vải Việt Nam tiêu thụ trong cộng đồng người Việt và người Á đông tại Úc, sau đó mở rộng đến người tiêu dùng Úc nói chung sẽ hỗ trợ cho trái vải của Việt Nam có chỗ đứng trên thị trường Úc.

## **PHỤ LỤC**

## **Phụ lục 1: Quy định xử lý lạnh trước khi xuất khẩu**

Nếu tiếp nhận lô hàng thuộc diện xử lý lạnh trước khi xuất khẩu thì Cục Bảo vệ thực vật sẽ phải đảm bảo thực hiện theo các điều kiện sau:

- Nếu chỉ diệt ruồi giấm:
  - Từ 0,99<sup>0</sup>C trở xuống trong vòng 15 ngày, hoặc
  - Từ 1,38<sup>0</sup>C trở xuống trong vòng 18 ngày.
- Diệt cả ruồi giấm và ruồi đục quả:
  - Từ 0,99<sup>0</sup>C trở xuống trong vòng 17 ngày, hoặc
  - Từ 1,38<sup>0</sup>C trở xuống trong vòng 20 ngày.

Cục Bảo vệ thực vật sẽ bảo đảm cơ sở xử lý lạnh đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

- Các cơ sở xử lý đã được đăng ký phải được duy trì trong điều kiện có thể đảm bảo việc thực hiện các chương trình xử lý có hiệu quả;
- Tất cả các khu vực được đảm bảo vệ sinh (làm sạch hàng ngày các trái cây bị trầy xước, bị lỗi, bị sâu bệnh) và phải đảm bảo sao cho sinh vật gây hại không thể thâm nhập từ ngoài vào và hoặc từ khu vực trái cây đã được xử lý sang khu vực chưa được xử lý;
- Tất cả các dụng cụ đo lường phải được hiệu chuẩn định kỳ, các thông số kỹ thuật của dụng cụ được lưu lại để kiểm tra khi cần;
- Hành trình vận chuyển trái cây từ khi đến cơ sở xử lý đã đăng ký đến khi xuất khẩu phải được lưu lại;
- An toàn cho trái cây phải được bảo đảm trong suốt thời gian trái cây để ở khu vực xử lý.

Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng các biện pháp xử lý lạnh trước khi xuất khẩu đáp ứng các điều kiện cụ thể sau đây:

### Các cơ sở xử lý lạnh

- Xử lý trước khi vận chuyển hàng chỉ được phép thực hiện tại cơ sở xử lý lạnh đã đăng ký, được kiểm tra và phê duyệt bởi Cục Bảo vệ thực vật;

- Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm đảm bảo các cơ sở xử lý lạnh đạt tiêu chuẩn phù hợp và có khả năng giữ lạnh cho trái cây ở nhiệt độ yêu cầu;
- Cục Bảo vệ thực vật sẽ lưu giữ hồ sơ đăng ký cơ sở xử lý lạnh đã được cấp phép để xử lý trái vải tươi trước khi vận chuyển để xuất khẩu sang Úc. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:
  - ✓ Sơ đồ xây dựng và bố trí của toàn bộ cơ sở xử lý lạnh, bao gồm chi tiết liên hệ của chủ sở hữu hoặc người vận hành cơ sở này;
  - ✓ Kích thước của cơ sở xử lý và sức chứa của phòng lạnh;
  - ✓ Vật liệu cách nhiệt được sử dụng trên tường, trần và nền nhà;
  - ✓ Nhãn hiệu, kiểu cách, chủng loại và công suất của bình ngưng máy lạnh, và dàn lưu thông khí;
  - ✓ Miền biến thiên nhiệt độ của thiết bị, điều khiển chu kỳ phá băng/giã đông và đặc điểm và chi tiết của bất kỳ thiết bị ghi nhiệt độ tích hợp nào;
  - ✓ Chi tiết về luồng hàng đã qua cơ sở xử lý.
- Cục Bảo vệ thực vật sẽ chuyển cho Bộ Nông nghiệp Úc (trước khi bắt đầu mỗi vụ vải) tên và địa chỉ của các cơ sở xử lý lạnh đã đăng ký và được cấp phép. Cục Bảo vệ thực vật cũng sẽ thông báo cho Bộ Nông nghiệp Úc những thay đổi về tình trạng đăng ký của các cơ sở trên.

#### Thiết lập và giám sát xử lý lạnh:

- Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng các cơ sở xử lý lạnh được trang bị để thực hiện và giám sát việc xử lý lạnh như sau:
  - ✓ Các bộ cảm biến nhiệt độ cho hoa quả thích hợp được sử dụng để giám sát quá trình xử lý lạnh. Các thiết bị này phải đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Các bộ cảm biến này cần có độ chính xác đến  $\pm 0,15^{\circ}\text{C}$  để có thể đọc được nhiệt độ trong phạm vi từ  $-3,0^{\circ}\text{C}$  đến  $+3,0^{\circ}\text{C}$  và cứ sau mỗi một giờ thì lại đo và ghi lại nhiệt độ với cùng một mức độ chính xác như nhau, như đã quy định;
  - ✓ Có khả năng thích ứng được với số cảm biến được sử dụng;
  - ✓ Có khả năng ghi và lưu trữ dữ liệu trong thời gian xử lý cho đến khi thông tin được kiểm tra bởi nhân viên của Cục Bảo vệ thực vật;

- ✓ Có thể kết xuất bản nhận dạng từng bộ cảm biến, thời gian và nhiệt độ cũng như ID (mã số nhận dạng) của cơ sở bảo quản;
- ✓ Hệ thống phải đảm bảo an toàn và không thể bị làm giả.

#### Hiệu chuẩn các bộ cảm biến:

- Việc hiệu chuẩn các bộ cảm biến phải được thực hiện bằng cách sử dụng đá đông lạnh đã nghiền và nước chưng cất, sử dụng nhiệt kế đã được xác nhận trước thời điểm bắt đầu xử lý và sau khi việc xử lý đã hoàn thành. Tất cả các nhiệt kế cầm tay được sử dụng để hiệu chuẩn phải được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận/hiệu chuẩn.
  - ✓ Bất kỳ cảm biến nào có mức dao động vượt quá  $\pm 0,6^{\circ}\text{C}$  so với  $0^{\circ}\text{C}$  thì phải được thay bằng cái khác đáp ứng tiêu chuẩn trước khi bắt đầu xử lý;
  - ✓ Khi đã hoàn thành việc xử lý, Cục Bảo vệ thực vật sẽ kiểm tra hiệu chuẩn của cảm biến hoa quả bằng cách sử dụng phương pháp được nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất của phần Hiệu chuẩn bộ cảm biến.
- Một bản “Thông tin về hiệu chuẩn của bộ cảm biến hoa quả” phải được chuẩn bị cho mỗi công-te-nơ và phải được ký và đóng dấu bởi cán bộ Cục Bảo vệ thực vật. Bản gốc phải được đính kèm với giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế và kèm theo một tham chiếu đến giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế, mà đi kèm theo lô hàng.

#### Cục Bảo vệ thực vật giám sát vị trí đặt bộ cảm biến nhiệt độ:

- Trái cây đựng trong các thùng có giá đỡ để xuất khẩu đi Úc phải được chuyển vào các phòng lạnh riêng biệt, dưới sự giám sát của Cục Bảo vệ thực vật và có thể được làm lạnh từ trước;
- Phải đặt ít nhất 2 bộ cảm biến (tại điểm đi vào và điểm thoát ra của luồng khí) để đo nhiệt độ trong phòng và ít nhất 4 bộ cảm biến để đo nhiệt độ bên trong trái vải:
  - ✓ 1 bộ để ở giữa đồng vải, ở vị trí trung tâm của phòng lạnh;
  - ✓ 1 bộ để ở góc trên đỉnh của đồng vải, ở vị trí trung tâm của phòng lạnh;
  - ✓ 1 bộ để ở giữa đồng vải, gần điểm thoát ra của luồng khí lạnh; và



✓ 1 bộ đề ở góc trên đỉnh đồng vãi, gần điểm thoát ra của luồng khí lạnh.

- Đề lắp bộ cảm biến và kết nối với bộ ghi dữ liệu thì phải có sự hướng dẫn và giám sát của một cán bộ được được chỉ định bởi Cục Bảo vệ thực vật;
- Thời gian xử lý chỉ bắt đầu sau khi tất cả các bộ cảm biến đã đạt nhiệt độ xác định cần thiết cho việc xử lý;
- Trong trường hợp có bộ cảm biến nào không thể ghi được nhiệt độ trong thời gian 4 giờ liên tiếp thì việc xử lý sẽ bị hủy và phải bắt đầu lại.

#### Xem xét tiến độ xử lý:

- Nếu thông tin ghi lại quy trình xử lý cho thấy thông số xử lý đã đạt yêu cầu, thì Cục Bảo vệ thực vật có thể cho phép dừng xử lý và nếu các bộ cảm biến đạt mức hiệu chuẩn như quy định tại phần Hiệu chuẩn các bộ cảm biến thì khi đó có thể coi việc xử lý đã kết thúc thành công;
- Các bộ cảm biến cần được hiệu chuẩn sau khi xử lý và trước khi trái cây được chuyển khỏi phòng xử lý.

#### Xác nhận xử lý:

- Sau khi hết thời gian xử lý đã được quy định, các bộ cảm biến sẽ được kiểm tra bằng cách sử dụng quy trình nêu tại phần Hiệu chuẩn các bộ cảm biến. Các bản ghi phải được giữ lại để Bộ Nông nghiệp Úc kiểm tra;
- Nếu có bộ cảm biến nào cho thấy chỉ số tại thời điểm kết thúc xử lý cao hơn hoặc thấp hơn so với thời điểm cài đặt ban đầu thì các bản ghi/thông tin lưu giữ của các bộ cảm biến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp. Nếu quá trình điều chỉnh cho thấy lịch trình xử lý theo quy định đã không được thực hiện đúng thì quá trình xử lý bị coi là thất bại và cần xác định rõ nguyên nhân và biện pháp giải quyết. Có thể chọn cách tiến hành xử lý lại tùy thuộc quyết định của Cục Bảo vệ thực vật và người xuất khẩu;
- Các bản in thông tin về nhiệt độ phải có đính kèm bảng số liệu tóm tắt cho biết quy trình xử lý lạnh đã hoàn thành;
- Cục Bảo vệ thực vật phải xác nhận kết quả xử lý bằng cách ký vào các bản ghi/thông tin lưu giữ và các các bảng số liệu tóm tắt. Bản ghi dữ liệu phải bao gồm số của lô xử lý và biên độ hiệu chuẩn ( $\pm$  biên độ tinh chỉnh) của bộ cảm biến. Các bản ghi này phải được gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc khi có yêu cầu;
- Nếu kết quả xử lý lạnh chưa đạt yêu cầu thì đầu ghi dữ liệu sẽ được kết nối lại và quá trình xử lý sẽ tiếp tục với điều kiện là:

- ✓ Cục Bảo vệ thực vật xác nhận đảm bảo các điều kiện nêu tại phần Xác nhận xử lý; hoặc
- ✓ Thời gian tính từ khi ngừng xử lý cho đến khi bắt đầu xử lý lại ít hơn 24 giờ.

Trong cả hai trường hợp, dữ liệu sẽ tiếp tục được ghi nhận từ thời điểm việc ghi dữ liệu được kết nối lại.

Xếp trái cây vào công-te-nơ sau khi hoàn thành việc xử lý:

- Cục Bảo vệ thực vật phải tiến hành kiểm tra công-te-nơ trước khi xếp hàng nhằm đảm bảo không có sinh vật có hại và phải bịt các khe hở bằng lưới có mắt rộng không quá 1.6mm để tránh côn trùng xâm nhập;
- Trái cây phải được bốc xếp trong toà nhà có ngăn sinh vật hại thâm nhập hoặc sử dụng lưới ngăn côn trùng quây lại giữa lối ra vào phòng lạnh và công-te-nơ.

Niêm phong công-te-nơ:

- Cán bộ có thẩm quyền của Cục Bảo vệ thực vật sẽ tiến hành đóng dấu số niêm phong vào cửa của công-te-nơ và đồng thời ghi số niêm phong lên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;
- Chỉ có nhân viên của Bộ Nông nghiệp Úc được phép mở niêm phong ở cảng đến đầu tiên tại Úc.

Lưu giữ trái cây nếu trái cây ngay sau khi xử lý xong nếu chưa được bốc xếp ngay:

- Trái cây đã được xử lý nếu không được bốc xếp ngay thì có thể được lưu giữ trong điều kiện đảm bảo an toàn kiểm dịch thực vật đã được Cục Bảo vệ thực vật thông qua và giám sát khi thực hiện:
  - ✓ Nếu trái cây được lưu giữ trong phòng xử lý có lưới ngăn sinh vật gây hại và thì các cửa phòng phải đảm bảo ngăn chặn được sự lây nhiễm;
  - ✓ Nếu trái cây được chuyển đến phòng khác cũng có lưới ngăn sinh vật gây hại và bảo đảm an toàn để lưu giữ thì quá trình di chuyển phải sao cho đảm bảo an toàn và phải có sự đồng ý bằng văn bản của Cục Bảo vệ thực vật cho phép và phòng mới đó không được chứa các loại trái cây khác;

- ✓ Các công-te-nơ dùng để xếp hàng phải chịu sự giám sát của Cục Bảo vệ thực vật theo quy định của phần Xếp trái cây vào công-te-nơ sau khi hoàn thành việc xử lý.

## **Phụ lục 2: Quy định về xử lý lạnh trên đường vận chuyển**

Nếu lô hàng được xử lý lạnh trên đường vận chuyển thì Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo thực hiện theo các tiêu chuẩn sau đây:

### Nếu chỉ diệt ruồi giấm:

- Từ  $0,99^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 15 ngày; hoặc
- Từ  $1,38^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 18 ngày.

### Diệt cả ruồi giấm và ruồi đục quả:

- Từ  $0,99^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 17 ngày; hoặc
- Từ  $1,38^{\circ}\text{C}$  trở xuống trong vòng 20 ngày.

Cục Bảo vệ thực vật sẽ đảm bảo việc xử lý lạnh khi vận chuyển đáp ứng các điều kiện sau:

### Loại công-te-nơ:

- Các công-te-nơ phải là loại tự làm lạnh. Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm đảm bảo các công-te-nơ được các nhà xuất khẩu sử dụng là đúng chủng loại và có thiết bị làm lạnh có thể đạt và giữ nhiệt độ theo đúng yêu cầu;
- Các công-te-nơ phải được gắn ít nhất 3 bộ cảm biến để đo và ghi nhiệt độ điện tử hàng giờ trong suốt thời gian xử lý;
- Có thể dùng thêm thiết bị ghi dữ liệu về nhiệt độ tại cửa thoát ra và cửa đi vào của luồng khí để giám sát việc phân bố không khí lạnh bên trong công-te-nơ.

### Loại thiết bị ghi dữ liệu

- Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo kết hợp các bộ cảm biến nhiệt độ và thiết bị ghi dữ liệu như sau:
  - ✓ Các bộ cảm biến nhiệt độ cho hoa quả thích hợp được sử dụng để giám sát quá trình xử lý lạnh. Các thiết bị này phải đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Các bộ cảm biến này cần có độ chính xác đến  $\pm 0,15^{\circ}\text{C}$  để có thể đọc được nhiệt độ trong phạm vi từ  $-3,0^{\circ}\text{C}$  đến  $+3,0^{\circ}\text{C}$  và cứ sau mỗi một giờ thì lại đo và ghi lại nhiệt độ với cùng một mức độ chính xác như nhau, như đã quy định;
  - ✓ Có khả năng thích ứng được với số cảm biến được sử dụng;

- ✓ Có khả năng ghi và lưu trữ dữ liệu trong thời gian xử lý cho đến khi thông tin được kiểm tra bởi nhân viên của Cục Bảo vệ thực vật;
- ✓ Có thể kết xuất bản nhận dạng từng bộ cảm biến, thời gian và nhiệt độ cũng như ID (mã số nhận dạng) của người đăng nhập dữ liệu và số hiệu công-ten-nơ;
- ✓ Hệ thống phải đảm bảo an toàn và không thể bị làm giả.

#### Hiệu chuẩn các bộ cảm biến dưới sự giám sát của Cục Bảo vệ thực vật

- Việc hiệu chuẩn các bộ cảm biến phải được thực hiện bằng cách sử dụng đá đông lạnh đã nghiền và nước chưng cất, sử dụng nhiệt kế đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia chứng nhận/hiệu chuẩn;
- Bất kỳ cảm biến nào có mức dao động vượt quá  $\pm 0.6^{\circ}\text{C}$  so với  $0^{\circ}\text{C}$  thì phải được thay bằng cái khác đáp ứng tiêu chuẩn trước khi bắt đầu xử lý;
- Một bản “Thông tin về hiệu chuẩn của bộ cảm biến hoa quả” phải được chuẩn bị cho mỗi công-te-nơ và phải được ký và đóng dấu bởi cán bộ Cục Bảo vệ thực vật. Bản gốc phải được đính kèm với giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế đi kèm theo lô hàng;
- Tại nơi đến, Bộ Nông nghiệp Úc sẽ kiểm tra hiệu chuẩn của cảm biến bằng cách sử dụng phương pháp được nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất của phần Hiệu chuẩn bộ cảm biến.

#### Lắp đặt các bộ cảm biến dưới sự giám sát của Cục Bảo vệ thực vật

- Trái cây đã đóng gói được xếp lên các công-te-nơ dưới sự giám sát của Cục Bảo vệ thực vật hoặc người được Cục Bảo vệ thực vật uỷ quyền. Các công-te-nơ phải được đóng sao cho luồng không khí lưu thông cân bằng ở bên dưới cũng như xung quanh các giá đỡ và các hộp các tông được xếp chồng nhưng có chừa khe hở;
- Phải có ít nhất 3 bộ cảm biến cho mỗi công-te-nơ;
- Tất cả 3 bộ cảm biến phải được đặt một nửa chiều cao (ở giữa) chồng vải;
- Hai bộ cảm biến phải đặt ở trong thùng các-tông, ở giữa chồng vải đối diện chéo với các vách công-ten-nơ cách khoảng 1,5m từ cuối nơi xếp hàng đối với công-ten-nơ 12m và khoảng 1m đối với công-ten-nơ 6m;
- Một bộ cảm biến phải được đặt ở trong thùng các-tông, ở giữa chồng vải ở giữa công-ten-nơ;

- Một bộ cảm biến phải được đặt ở trong thùng các-tông, ở giữa chồng vải ở giữa công-ten-nơ;
- Để lắp bộ cảm biến và kết nối với bộ ghi dữ liệu thì phải có sự hướng dẫn và giám sát của một cán bộ được được chỉ định bởi Cục Bảo vệ thực vật;
- Thời gian xử lý chỉ bắt đầu sau khi tất cả các bộ cảm biến đã đạt nhiệt độ xác định cần thiết cho việc xử lý;
- Trong trường hợp có bộ cảm biến nào không thể ghi được nhiệt độ trong thời gian 4 giờ liên tiếp thì việc xử lý sẽ bị hủy và phải bắt đầu lại.

#### Niêm phong công-te-nơ

- Cán bộ có thẩm quyền của Cục Bảo vệ thực vật sẽ tiến hành đóng dấu số niêm phong vào cửa của công-te-nơ và đồng thời ghi số niêm phong lên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;
- Chỉ có nhân viên của Bộ Nông nghiệp Úc được phép mở niêm phong ở cảng đến đầu tiên tại Úc.

#### Thông tin/bản ghi về nhiệt độ

- Việc xử lý lạnh để diệt trừ sinh vật gây hại khi vận chuyển phải hoàn thành trong hành trình từ Việt Nam đến cảng đến đầu tiên được chỉ định tại Úc;
- Khi hoàn thành việc xử lý, công ty vận tải phải tải xuống tệp dữ liệu chứa bản ghi nhiệt độ quá trình xử lý từ 3 bộ cảm biến và chuyển tiếp các bản in của tất cả các bộ cảm biến nhiệt độ cho nhân viên của Bộ Nông nghiệp Úc tại cảng đầu tiên để giải phóng hàng;
- Bộ Nông nghiệp Úc sẽ xác nhận bản ghi quá trình xử lý có đáp ứng các yêu cầu của Úc về xử lý lạnh hay không và sẽ cho ý kiến liên quan đến việc hiệu chuẩn các bộ cảm biến và xác nhận quá trình xử lý đã hoàn thành.

**Lưu ý:** Một số hành trình đường biển có thể cho phép việc xử lý lạnh hoàn thành trên đường đi, trước khi tàu cập cảng của Úc. Có thể tiến hành tải xuống các bản ghi nhiệt độ ngay trên đường đi và gửi trước cho Bộ Nông nghiệp Úc để kiểm tra. Tuy nhiên, việc xử lý chỉ được coi là có hiệu lực khi sau Bộ Nông nghiệp đã hoàn thành việc hiệu chuẩn lại các bộ cảm biến. Vì vậy có một quyết định thương mại là liệu trái cây phải duy trì nhiệt độ thế nào trước khi đến Úc (ví dụ tăng dần nhiệt độ bảo quản).

Trong trường hợp xử lý lạnh trên đường vận chuyển thất bại thì có thể tiến hành tại nơi đến.

Khi áp dụng biện pháp xử lý lạnh trên đường vận chuyển thì phải nêu rõ trong phần xử lý ở mục nói về Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế.

### **Phụ lục 3: Kiểm soát vườn trồng đối với ruồi đục quả**

Kiểm soát vườn trồng và kiểm tra trực quan đối với ruồi đục quả có thể do phía Việt Nam tiến hành kết hợp với xử lý nhiệt hơi (Phụ lục 4) và xử lạnh chỉ đối với ruồi giấm, thay vì kéo dài thời gian xử lý lạnh để diệt cả ruồi giấm và ruồi đục quả (Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

Các vườn trồng xuất khẩu đã đăng ký phải thực hiện chương trình kiểm soát vườn trồng, ví dụ như áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và/hoặc biện pháp phòng trừ IPM (Quản lý dịch hại tổng hợp), kết hợp với các biện pháp vệ sinh vườn trồng phù hợp, có hiệu quả ở các giai đoạn quan trọng để quản lý diệt trừ ruồi đục quả có hiệu quả.

Các vườn trồng xuất khẩu đã đăng ký phải được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và cấp phép và sẽ có sổ đăng ký để nhận dạng trong quá trình kiểm soát ruồi đục quả tại vườn trồng. Vườn trồng cần lưu giữ các bản ghi chép về các biện pháp kiểm soát để phục vụ việc kiểm tra của Cục Bảo vệ thực vật. Danh sách các vườn trồng và sổ đăng ký phải gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc. Chương trình kiểm soát có thể bao gồm nhưng không giới hạn đối với:

- Giám sát ruồi đục quả thông qua kiểm tra vườn trồng hàng tuần với việc kiểm tra từng chùm quả và đưa ra dự báo mức độ lây nhiễm cho cả mùa vụ;
- Kiểm soát hoá chất: sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thích hợp, hiệu quả và tương thích đối với ruồi đục quả (đề nghị duy trì khoảng thời không được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho vài để xuất khẩu);
- Phải thường xuyên dọn vệ sinh trái cây rụng (ví dụ: tuần/lần) và đem đi huỷ hoặc chôn sâu để ngăn chặn ấu trùng phát triển;
- Việc kiểm tra trái cây thu hoạch tại các vườn trồng này để phát hiện ruồi đục quả và loại bỏ những trái nghi bị lây nhiễm, lưu giữ các bản ghi chép từ kết quả giám sát và các biện pháp kiểm soát để phục vụ cho việc kiểm tra của Cục Bảo vệ thực vật.

Khi được yêu cầu, phải gửi cho Bộ Nông nghiệp Úc các thông tin về chương trình kiểm soát vườn trồng đã được Cục Bảo vệ thực vật phê duyệt.



#### **Phụ lục 4: Quy định về xử lý nhiệt hơi trước khi xuất khẩu**

Có thể áp dụng xử lý nhiệt hơi trước khi xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro về ruồi giấm nhưng biện pháp này chỉ được chấp nhận nếu đã thực hiện các biện pháp xử lý khác như kiểm soát vườn trồng để kiểm soát ruồi đục quả.

Nếu phía Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý nhiệt hơi thì phải tiến hành xử lý như sau:

- Từ 47<sup>0</sup>C trở lên (nhiệt độ trái cây) trong 15 phút; hoặc
- Từ 46<sup>0</sup>C trở lên (nhiệt độ trái cây) trong 20 phút.

Tổng thời gian xử lý ít nhất là 2 giờ, bao gồm cả thời gian khởi động/làm ấm thiết bị và thời gian làm mát để cho trái cây đạt tới nhiệt độ xử lý và trở lại nhiệt độ bình thường của môi trường xung quanh.

Việc xử lý được bắt đầu khi nhiệt độ bên trong trái cây đạt mức quy định, ít nhất 46<sup>0</sup>C hoặc 47<sup>0</sup>C. Nhiệt độ bên trong trái cây phải được duy trì trong thời gian quy định tương ứng không dưới 20 phút hoặc 15 phút.

Việc xử lý nhiệt hơi phải hoàn thành ở Việt Nam tại cơ sở đóng gói và xử lý nhiệt hơi đã được đăng ký, và được Cục Bảo vệ thực vật cho phép và kiểm tra nhằm đảm bảo rằng các cơ sở này được trang bị phù hợp để thực hiện xử lý nhiệt hơi theo yêu cầu.

Chỉ được cấp phép cho những cơ sở xử lý nhiệt hơi đã được xác định. Những cơ sở này phải được thiết kế để ngăn chặn ruồi giấm xâm nhập khu vực trái cây đã xử lý nhưng chưa đóng gói. Cần phải có thêm quy định rằng sau khi xử lý xong, trái cây phải được dỡ trực tiếp từ thiết bị và để ngay vào các phòng có lưới chắn côn trùng và phòng đóng gói đảm bảo an toàn.

Các cán bộ Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo những vấn đề sau:

- Các cơ sở xử lý đã đăng ký vẫn duy trì trong điều kiện có thể cung cấp hiệu quả trong chương trình xử lý;
- Tất cả các khu vực phải đảm bảo vệ sinh (hàng ngày dọn sạch trái cây bị trầy, xước, thâm, nám, nhiễm sâu bệnh) và các khu vực đó phải đảm bảo không bị sinh vật gây hại xâm nhập từ bên ngoài vào hoặc từ khu vực để trái cây chưa xử lý sang khu vực đã xử lý;
- Tất cả các dụng cụ đo lường phải được hiệu chuẩn định kỳ và phải lưu giữ các bản ghi chép để kiểm tra khi cần;

- Quá trình vận chuyển trái cây từ khi đến cơ sở xử lý đã được đăng ký đến khi xuất khẩu phải được lưu lại;
- Phải đảm bảo trái cây được an toàn trong suốt thời gian lưu giữ tại các cơ sở xử lý.

Nếu các cán bộ Cục Bảo vệ thực vật phát hiện bất kỳ yêu cầu nào nêu trên không được thực hiện thì cơ sở xử lý đã được đăng ký phải bị đình chỉ tạm thời và phải thông báo ngay cho Bộ Nông nghiệp Úc. Cơ sở xử lý bị tạm dừng cho đến khi đã áp dụng xong biện pháp khắc phục và Bộ Nông nghiệp Úc đồng ý được hoạt động trở lại.

Các bộ cảm biến sẽ được hiệu chuẩn bởi các cán bộ của Cục Bảo vệ thực vật:

- Từng bộ cảm biến sẽ được hiệu chuẩn bằng cách đặt vào một bồn nước nóng ở nhiệt độ tương ứng là  $46^{\circ}\text{C} \pm 0,2^{\circ}\text{C}$  hoặc  $47^{\circ}\text{C} \pm 0,2^{\circ}\text{C}$ . Các bộ cảm biến sẽ được hiệu chuẩn dựa trên nhiệt kế đã được cơ quan có thẩm quyền hiệu chuẩn hàng năm/trước mỗi mùa xuất khẩu, và bộ cảm biến chỉ được phép giao động trong biên độ không quá  $0,2^{\circ}\text{C}$ . Các bộ cảm biến không đọc được trong khoảng  $0,2^{\circ}\text{C}$  của nhiệt kế sẽ phải thay thế. Các bộ cảm biến sẽ được hiệu chuẩn 3 lần và lấy chỉ số trung bình;
- Số lượng bộ cảm biến trong mỗi buồng (phòng) phụ thuộc vào nhãn hiệu và chủng loại của thiết bị xử lý;
- Các bộ cảm biến sẽ được đặt trong các thùng trái cây được chọn từ những trái cây to nhất trong mỗi phòng xử lý;
- Bộ cảm biến sẽ được gắn vào đầu của mỗi trái cây đã được chọn, song song với hạt, do đó đầu của bộ cảm biến sẽ chiếm khoảng nửa cuống trái cây, để sát nhưng không được chạm vào hạt;
- Trái cây mang cảm biến sẽ được làm lạnh và nóng trong suốt quá trình thử nghiệm.

Mỗi một lần xử lý sẽ được xác nhận hoặc là đạt được có điều kiện hoặc sẽ bị loại nếu:

- Tổng thời gian của quá trình xử lý chưa đủ 2 giờ; hoặc
- Nhiệt độ của bất kỳ trái cây mang cảm biến nào đó xuống dưới mức  $46^{\circ}\text{C}/47^{\circ}\text{C}$  tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình xử lý; hoặc
- Cán bộ kiểm tra của Cục Bảo vệ thực vật phát hiện bộ kim/đầu cảm biến gắn không đúng hoặc gắn nhầm vào trái cây khác.

Thông số về nhiệt độ và độ ẩm, thời gian xử lý và số nhận dạng của cơ sở đóng gói của xử lý nhiệt hơi phải được thể hiện trong mục “Xử lý” trong Chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế.

Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo nhận được các bản dữ liệu của mỗi lần xử lý do các cơ sở xử lý tương ứng cung cấp sau khi quá trình xử lý đã hoàn thành, sau đó Cục Bảo vệ thực vật ký xác nhận và chuyển tiếp cho Bộ Nông nghiệp Úc. Tài liệu này gồm có: Số của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quốc tế, số của giấy phép nhập khẩu và số của lô hàng đã được xử lý nhiệt hơi.

## **Phụ lục 5: Quy định về xử lý chiếu xạ trước xuất khẩu**

Nếu phía Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý chiếu xạ để diệt trừ ruồi giấm, ruồi đục quả hoặc rệp sáp thì phải tiến hành xử lý vải tươi với liều tia chiếu tối thiểu đã được quy định để giảm thiểu rủi ro trên cơ sở quy định kiểm dịch của phía Việt Nam:

- Cường độ 150 Gy đối với các loại ruồi giấm (*bactrocera cucurbitae* và *bactrocera dorsalis*) và thực hiện biện pháp kiểm soát ruồi đục quả tại vườn trồng (*conopomorpha sinensis*).
- Cường độ 400 Gy đối với ruồi đục quả (*conopomorpha sinensis*) và rệp sáp (*Dysmicoccus lepelleyi*, *Paracoccus interceptus*, *Paracoccus lilacinus*, *Paracoccus litchi*, *Paracoccus minor*, *Pseudococcus cryptus*, *Pseudococcus jackbeardsleyi*).

Để bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của Úc liều tia chiếu không được vượt quá 1 KGy (1.000 Gy).

Quá trình xử lý chiếu xạ phải được thực hiện tại Việt Nam tại các cơ sở chiếu xạ đã được đăng ký và được Cục Bảo vệ thực vật cấp phép và kiểm tra định kỳ hàng năm nhằm đảm bảo các cơ sở này được trang bị phù hợp với việc thực hiện xử lý chiếu xạ theo đúng quy định đã đề ra.

Trái cây phải được đóng gói trong các hộp các-tông ngăn được sinh vật có hại thâm nhập. Các hộp này không được mở để sinh vật hại có thể xâm nhập vào được. Nếu cần phải mở các hộp này để kiểm tra thì cần phải phủ tấm lưới có mắt không quá 1,6mm. Các hộp các-tông phải được niêm phong với các dấu niêm phong dễ nhận thấy nếu trước đó hộp đã được mở.

Cần phải cung cấp chi tiết hệ thống quản lý cơ sở xử lý đang được áp dụng cho Cục Bảo vệ thực vật nhằm đảm bảo vải được để tách rời, cách ly với các loại trái cây khác trong các công đoạn xử lý, đóng gói, lưu giữ trong kho và vận chuyển trước khi xuất khẩu.

Sau khi được Cục Bảo vệ thực vật ký thông qua, Bộ Nông nghiệp Úc sẽ tiến hành kiểm tra trong mùa xuất khẩu đầu tiên xem các cơ sở xử lý có đáp ứng đúng yêu cầu của Nông nghiệp Úc hay không, trước khi cấp phép xuất khẩu. Nhân viên có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp Úc có thể kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu trong các mùa xuất khẩu tiếp theo.

Cục Bảo vệ thực vật sẽ kiểm tra các cơ sở xử lý vào đầu mỗi mùa xuất khẩu để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu trước khi gia hạn giấy phép. Cục Bảo vệ thực vật sẽ tiến hành giám sát các Trung tâm xử lý ngay trong mùa vụ để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Bộ Nông nghiệp Úc. Các báo

cáo kiểm tra trong đó có lưu ý những vấn đề không phù hợp cùng với các biện pháp khắc phục thích hợp sẽ được báo cáo cho Bộ Nông nghiệp Úc.

Các cán bộ Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo:

- Các cơ sở xử lý phải có đầy đủ hệ thống quản lý chất lượng được lưu trữ dữ liệu đầy đủ theo đúng quy trình vận hành chuẩn, đặc biệt là bản đồ liều lượng chiếu xạ, đo liều lượng, hiệu chuẩn v.v...;
- Các cơ sở xử lý đã được đăng ký phải đảm bảo đang trong điều kiện vận hành tốt để thực hiện các chương trình xử lý;
- Tất cả các khu vực được đảm bảo vệ sinh (làm sạch hàng ngày các trái cây bị trầy xước, bị lỗi, bị sâu) và phải đảm bảo sinh vật gây hại không thể thâm nhập từ ngoài vào hoặc di chuyển từ khu vực trái cây chưa được xử lý sang khu vực đã được xử lý;
- Tất cả các dụng cụ đo lường phải được hiệu chuẩn định kỳ và phải lưu giữ các bản ghi chép quá trình hiệu chỉnh để kiểm tra khi cần;
- Thông tin về quá trình vận chuyển trái cây từ khi đến Trung tâm đăng ký xử lý đến khi xuất khẩu phải được lưu lại;
- Phải đảm bảo trái cây được an toàn trong suốt thời gian lưu giữ tại các cơ sở xử lý.

Nếu các cán bộ Cục Bảo vệ thực vật phát hiện bất kỳ yêu cầu nào nêu trên không được thực hiện nghiêm chỉnh thì cơ sở xử lý đã đăng ký bị tạm dừng hoạt động và phải thông báo ngay cho Bộ Nông nghiệp Úc. Cơ sở bị tạm dừng hoạt động cho đến khi đã áp dụng xong biện pháp khắc phục và Bộ Nông nghiệp Úc cho phép hoạt động trở lại.

Hệ thống định lượng bức xạ được sử dụng để đảm bảo toàn bộ lô hàng được xử lý với liều lượng thích hợp. Các thiết bị định lượng sẽ được hiệu chuẩn bởi các cơ quan có thẩm quyền như Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp (ví dụ như ISO/ASTM51261-13 tiêu chuẩn hiệu chuẩn hệ thống định lượng đối với quá trình bức xạ).

Nhân viên Bộ Nông nghiệp Úc có thể có mặt trong quá trình xử lý chiếu xạ vào bất cứ thời gian nào của vụ mùa xuất khẩu.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo thị trường tiêu thụ vải – Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương
2. Final report for the non-regulated analysis of existing policy for fresh lychee fruit from Taiwan and Vietnam – Department of Agriculture, Fisheries and Forestry
3. Lychee Export Development Plan 2013 -2017 – Horticulture Australia Limited
4. Lychee Strategic Investment Plan 2013 -2017 – Horticulture Australia Limited
5. Lychee Report 2012 -2013 – Horticulture Australia Limited
6. Một số nguồn tham khảo trên internet